

HỒ SƠ MỜI THẦU QUA MẠNG (E-HSMT)

Tên gói thầu:

Tư vấn giám sát thi công xây dựng và
lắp đặt thiết bị công trình (Không bao
gồm hạng mục cọc và tường vây)

Dự án:

Đầu tư xây dựng Tòa nhà Viettel Đà Nẵng

Ban hành kèm theo Quyết
định:

11935/QĐ-VAM



CHỦ ĐẦU TƯ

GIÁM ĐỐC
Thượng tá Vũ Tiên Duy

MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Từ ngữ viết tắt

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương III. Điều khoản tham chiếu

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu, dự thầu và hợp đồng

MÔ TẢ TÓM TẮT

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSĐT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSĐT, mở thầu, đánh giá E-HSĐT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSĐT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSĐT. Cụ thể:

- Mục 1: Đánh giá tính hợp lệ của E-HSĐT được cố định theo định dạng tệp tin PDF/word và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 2: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật được cố định theo định dạng tệp tin PDF/word và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 3: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính là tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị theo mẫu và đăng tải trên Hệ thống.

Chương III. Điều khoản tham chiếu

Điều khoản tham chiếu bao gồm việc giới thiệu về gói thầu, phạm vi công việc; yêu cầu về báo cáo, thời gian thực hiện, kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu; trách nhiệm của Chủ đầu tư. Điều khoản tham chiếu được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu, dự thầu và hợp đồng

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT, E-HSĐT và hợp đồng.

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Quy chế LCNT	Quy chế lựa chọn nhà thầu tại Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Ban hành kèm theo Quyết định số 12869/QĐ-CNVTTQĐ ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội). Quy chế này được đăng tải trên website: Dauthau.viettel.com.vn
Tập đoàn hoặc Viettel	Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội
Hệ thống	Hệ thống Mạng đấu thầu quốc gia (<i>muasamcong.mpi.gov.vn</i>)
E-HSMT	Hồ sơ mời thầu
E-HSDT	Hồ sơ dự thầu
E-HSDXKT	Hồ sơ đề xuất kỹ thuật
E-HSDXTC	Hồ sơ đề xuất tài chính
E-TBMT	Thông báo mời thầu
E-CDNT	Chi dẫn nhà thầu
KQLCNT	Kết quả lựa chọn nhà thầu

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

<p>1. Phạm vi gói thầu</p>	<p>1.1. Chủ đầu tư –Tập đoàn Công nghiệp- Viễn thông Quân đội phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ tư vấn theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu: Tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình (Không bao gồm hạng mục cọc và tường vây).</p> <p>1.3. Dự án: Đầu tư xây dựng Tòa nhà Viettel Đà Nẵng.</p> <p>1.4. Việc tổ chức LCNT gói thầu này thực hiện theo Quy chế LCNT.</p>
<p>2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng</p>	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSDT và được quy định trong TBMT trên Hệ thống.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).</p>
<p>3. Nguồn vốn</p>	<p>Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu: Vốn góp của chủ sở hữu.</p>
<p>4. Hành vi bị cấm</p>	<p>4.1. Đưa, nhận hoặc môi giới hối lộ;</p> <p>4.2. Can thiệp trái pháp luật hoặc trái quy định của Tập đoàn vào hoạt động lựa chọn nhà thầu;</p> <p>4.3. Dàn xếp, thông thầu, gian lận, che giấu hoặc hành vi cố ý khác làm sai lệch thông tin, KQLCNT;</p> <p>4.4. Chia nhỏ gói thầu trái quy định để chỉ định thầu hoặc để không hình thành gói thầu;</p> <p>4.5. Tiết lộ, lợi dụng thông tin nội bộ và các thông tin liên quan trong quá trình tổ chức LCNT nhằm trục lợi;</p> <p>4.6. Không trung thực trong cung cấp hồ sơ, tài liệu;</p> <p>4.7. Cản trở, đe dọa, mua chuộc thành viên Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định hoặc cá nhân khác có liên quan;</p> <p>4.8. Chuyển nhượng thầu bao gồm việc (i) nhà thầu tự ý chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu vượt quá giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ đã nêu trong hợp đồng, hoặc chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSDT, E-HSDT mà không được Chủ đầu tư chấp thuận hoặc (ii) Chủ đầu tư chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc thuộc gói thầu vượt quá giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ đã nêu trong hợp đồng;</p> <p>4.9. Đưa thông tin thất thiệt, không đúng sự thật lên các phương tiện truyền thông gây ảnh hưởng, mất uy tín của Tập đoàn;</p>

	4.10. Lợi dụng việc phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo để gửi đơn thư sai sự thật, gây ảnh hưởng, mất uy tín của Tập đoàn.
5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu	<p>5.1. Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Có đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam; b) Hạch toán tài chính độc lập; c) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký thành lập, hoạt động; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản; d) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; e) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu các gói thầu của Tập đoàn hoặc các Đơn vị thành viên của Tập đoàn tổ chức theo quy định của pháp luật về đấu thầu, quy định mua sắm thường xuyên, quy chế về lựa chọn nhà thầu của Tập đoàn và các Đơn vị thành viên; không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu trên phạm vi toàn quốc theo quy định của pháp luật về đấu thầu; f) Có tên trong Danh sách ngăn đối với trường hợp đã lựa chọn được Danh sách ngăn; <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật; b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; c) Các điều kiện tại điểm e, f Mục 5.1. <p>5.3. Nhà thầu là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân; b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp trong trường hợp pháp luật có quy định; c) Các điều kiện tại điểm d, e Mục 5.1. <p>5.4. Các nhà thầu có thể liên danh trên cơ sở thỏa thuận liên danh để tham dự thầu, đứng tên dự thầu. Trong trường hợp liên danh, thỏa thuận liên danh phải quy định rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên trong liên danh đối với toàn bộ phạm vi của gói thầu.</p> <p>5.5. Các Đơn vị thành viên của Tập đoàn được phép tham dự thầu các</p>

	<p>gói thầu của Tập đoàn và được mặc định là có tư cách hợp lệ.</p> <p>5.6. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định: <i>[Đối với gói thầu tư vấn có liên quan đến hoạt động giám sát thi công xây dựng công trình, thẩm định chất lượng công trình/ hàng hóa... thì Chủ đầu tư phải đưa yêu cầu như sau:]</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Nhà thầu thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị công trình: Theo hợp đồng gói thầu "Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình (Không bao gồm hạng mục cọc và tường vây"; - Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên)¹. - Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương. <p>Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:</p> $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> X_i: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i; Y_i: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh; n: Số thành viên tham gia trong liên danh.
<p>6. Nội dung của E-HSMT</p>	<p>6.1.E- HSMT bao gồm: E-TBMT và các Chương I, II, II, IV cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSMT; - Chương III. Điều khoản tham chiếu. - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu, dự thầu và hợp đồng. <p>6.2. Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không</p>

¹ Chỉ đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp.

	<p>được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT bao gồm các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.</p>
<p>7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT</p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT sửa đổi cho phù hợp. Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 3 ngày làm việc trước ngày đóng thầu. Trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, Nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Chủ đầu tư thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày đóng thầu để Chủ đầu tư xem xét, xử lý. Chủ đầu tư tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.</p> <p>7.3. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi E-HSMT, thời điểm đóng thầu và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.</p> <p>7.4. Hội nghị tiền đấu thầu: không. Chủ đầu tư đăng tải thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho Chủ đầu tư. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu.</p> <p>7.5. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT.</p> <p>7.6. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có</p>

	giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSĐT của nhà thầu.
8. Chi phí dự thầu	E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Chủ đầu tư đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSĐT: Theo quy định của hệ thống Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.
9. Ngôn ngữ của E-HSĐT	E-HSĐT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSĐT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSĐT (catalog...) có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
10. Thành phần của E-HSĐT	E-HSĐT bao gồm E-HSĐXKT và E-HSĐXTC: 10.1. E-HSĐXKT bao gồm các thành phần sau đây: - Đơn dự thầu trong E-HSĐXKT theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; - Thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với trường hợp nhà thầu liên danh); - Đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 14 E-CDNT và các Mẫu thuộc Chương IV; 10.2. E-HSĐXTC bao gồm các thành phần sau đây: - Đơn dự thầu trong E-HSĐXTC theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; - Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 E-CDNT và Mục 12 E-CDNT. 10.3. Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSĐT các tài liệu sau đây: Không yêu cầu
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu để hoàn thành E-HSĐT. Nhà thầu chịu trách nhiệm thống nhất các thông tin kê khai trên Hệ thống với E-HSĐT đính kèm. Trường hợp có sự khai khác giữa các thông tin kê khai trên Hệ thống và thông tin trong E-HSĐT đính kèm thì thông tin kê khai trên Hệ thống là căn cứ để đánh giá E-HSĐT (ngoại trừ Bảo lãnh dự thầu).
12. Giá dự thầu và giảm giá	12.1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu thuộc E-HSĐXTC (chưa bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ

	<p>lệ cho tất cả hạng mục nêu trong Bảng tổng hợp chi phí.</p> <p>12.2. Phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia: Không yêu cầu</p>
13. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
14. Đề xuất kỹ thuật	<p>14.1. Đề xuất kỹ thuật không được nêu bất kỳ thông tin tài chính nào. Nếu đề xuất kỹ thuật của nhà thầu có những thông tin tài chính quan trọng thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm về những bất lợi do việc để lộ thông tin tài chính trong đề xuất kỹ thuật (nếu có).</p> <p>14.2. Nhà thầu không được đề xuất phương án khác về nhân sự chủ chốt. Mỗi vị trí nhân sự chủ chốt chỉ được đề xuất một lý lịch chuyên gia.</p> <p>14.3. Đối với gói thầu áp dụng hợp đồng theo thời gian: Không áp dụng</p> <p>14.4. Trường hợp gói thầu đã áp dụng mời quan tâm, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT và khi tham dự quan tâm thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p>
15. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT	<p>15.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn 120 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.</p> <p>15.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, Chủ đầu tư có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.</p>
16. Thời điểm đóng thầu	<p>16.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT.</p> <p>16.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
17. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT	<p>17.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) thay mặt liên danh nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>17.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư</p>

	<p>thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại E-HSDT thì E-HSDT đã nộp trước thời điểm E-HSMT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá.</p> <p>17.3. Rút E-HSDT: Nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT thì nhà thầu bị đánh giá là không bảo đảm uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá E-HSDT.</p> <p>17.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống đều được mở thầu để đánh giá.</p>
<p>18. Mở E-HSDXKT</p>	<p>18.1. Chủ đầu tư phải tiến hành mở E-HSDXKT và công khai biên bản mở E-HSDXKT trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp chỉ có 01 nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 36 Quy chế LCNT. Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (hủy E-TBMT này và đăng tải E-TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Quy chế LCNT.</p> <p>18.2. Biên bản mở E-HSDXKT được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Thời gian có hiệu lực của E-HSDXKT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
<p>19. Đánh giá E-HSDXKT</p>	<p>19.1. Chủ đầu tư áp dụng Phương pháp đánh giá E-HSDT là: kết hợp giữa kỹ thuật và giá.</p> <p>19.2. Quy trình đánh giá E-HSDXKT như sau:</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương II.</p> <p>b) Bước 2: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 2 Chương II:</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trong tài liệu đính kèm trong E-HSDT để đánh giá. Trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hợp đồng tương tự hoặc thông tin hợp đồng tương tự kê khai trong tài liệu đính kèm E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. - Đối với nội dung giải pháp, phương pháp luận: Tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở file đính kèm. - Đối với nội dung nhân sự chủ chốt: Tổ chuyên gia đánh giá theo thông tin nhân sự kê khai và trong tài liệu đính kèm. Đối với một vị trí nhân sự chủ chốt, E-HSDT chào thiếu số lượng theo yêu cầu của E-HSMT thì không đáp ứng về kỹ thuật. - Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá, nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được mở E-HSDXTC để đánh giá theo quy định tại Mục 20 E-CDNT và Mục 21 E-CDNT. - Đối với gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật: nhà thầu đạt điểm kỹ thuật cao nhất được mở E-HSDXTC theo quy định tại Mục 20 E-CDNT để thương thảo theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. - Nhà thầu có E-HSDXKT không đáp ứng sẽ không được mở E-HSDXTC để đánh giá. - Chủ đầu tư đăng tải danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật lên Hệ thống.
<p>20. Mở E-HSDXTC</p>	<p>20.1. E-HSDXTC của các nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc nhà thầu đạt điểm kỹ thuật cao nhất (đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật) sẽ được Chủ đầu tư tiến hành mở và công khai trên Hệ thống.</p> <p>20.2. Biên bản mở E-HSDXTC được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; <p>b) Thông tin về các nhà thầu được mở E-HSDXTC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu;

	<ul style="list-style-type: none"> - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) - Điểm kỹ thuật của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật, điểm kỹ thuật của nhà thầu xếp thứ nhất đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật; - Thời gian có hiệu lực của E-HSDXTC; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
21. Đánh giá E-HSDXTC và xếp hạng nhà thầu	<p>21.1. Đánh giá E-HSDXTC theo quy định tại Mục 3 Chương II;</p> <p>21.2. Sau khi đánh giá về giá, Chủ đầu tư lập danh sách xếp hạng nhà thầu. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. Trường hợp thương thảo không thành công, chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng. Trường hợp có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về giá thì không cần phải xếp hạng nhà thầu. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định như sau: nhà thầu có điểm tổng hợp cao nhất được xếp thứ nhất</p>
22. Bảo mật	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSDT, đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư về các vấn đề liên quan đến E-HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
23. Làm rõ E-HSDT	<p>23.1. Sau khi mở thầu, Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Trường hợp E-HSDT của nhà thầu thiếu tài liệu về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện gói thầu, Chủ đầu tư gửi yêu cầu làm rõ để nhà thầu bổ sung, làm rõ để chứng minh các thông tin này đã tồn tại trước thời điểm đóng thầu, không làm thay đổi các nội dung cơ bản đã chào. b) Đối với các nội dung về tính hợp lệ của E-HSDT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải

	<p>bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu. Đối với thỏa thuận liên danh, được phép làm rõ các nội dung liên quan đến công việc và tỷ lệ thực hiện của các thành viên trong liên danh.</p> <p>c) Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDT giữa nhà thầu và Chủ đầu tư được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>23.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa Chủ đầu tư và nhà thầu có E-HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSDT.</p> <p>23.4. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, bảo hành, bảo trì mà E-HSDT không đính kèm các tài liệu này thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.</p> <p>23.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.</p> <p>23.6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p>
<p>24. Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch</p>	<p>24.1. Giá dự thầu mà nhà thầu đề xuất trong đơn dự thầu thuộc E-HSDXTC được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo phạm vi công việc nêu trong E-HSMT.</p> <p>24.2. Trường hợp có sự khác biệt giữa đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về tài chính về số lượng nhân sự tham gia thực hiện gói thầu, số ngày công, số lượng trong từng hạng mục chi phí ngoài lương, số lượng trong các yếu tố đầu vào khác đã chào trong đề xuất kỹ thuật và đề xuất tài chính thì số lượng thuộc đề xuất về kỹ thuật là cơ sở để sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch. Việc hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp này được thực hiện theo số lượng, khối lượng nêu trong đề xuất kỹ thuật với đơn giá nêu trong đề xuất</p>

tài chính.

24.3 Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong hồ sơ dự thầu bao gồm lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm nhưng lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, hợp đồng theo thời gian, hợp đồng theo chi phí cộng phí, hợp đồng theo kết quả đầu ra, hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm, trường hợp có sự không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi;

b) Trường hợp tổng giá trị của các hạng mục không chính xác do lỗi khi cộng trừ giá trị của các hạng mục thì giá trị của các hạng mục là cơ sở để sửa lỗi;

c) Trường hợp không nhất quán giữa giá dự thầu ghi bằng số và giá dự thầu ghi bằng chữ thì giá dự thầu ghi bằng chữ là cơ sở để sửa lỗi, trừ trường hợp giá ghi bằng chữ không có nghĩa; trường hợp giá dự thầu ghi bằng chữ có sai sót về lỗi số học thì giá ghi bằng số là cơ sở cho việc sửa lỗi sau khi được chuẩn xác (nếu có) theo điểm a và điểm b khoản này;

d) Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó.

đ) Lỗi nhầm đơn vị tính: Sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của E-HSMT.

24.4 Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Nhà thầu phải ghi đơn giá dự thầu, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong bảng giá dự thầu. Trường hợp nhà thầu liệt kê hạng mục công việc như yêu cầu trong E-HSMT nhưng không ghi đơn giá dự thầu và thành tiền cho một hoặc một số hạng mục công việc thì hạng mục công việc này **không được coi** là chào thiếu, đơn giá phần công việc này được coi là đã phân bổ vào đơn giá của các công việc khác trong bảng giá dự thầu và sẽ không được chủ đầu tư thanh toán riêng.

Hạng mục công việc nêu trong E-HSMT không được liệt kê trong bảng giá dự thầu của nhà thầu được coi là phần chào thiếu trong E-HSMT và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b khoản này để so sánh, xếp hạng các E-HSMT. Hạng mục công việc nêu trong E-HSMT được

liệt kê trong bảng giá dự thầu của nhà thầu và có đơn giá dự thầu nhưng khối lượng ít hơn hoặc nhiều hơn so với yêu cầu của E-HSMT được coi là phần chào thiếu hoặc chào thừa và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm c khoản này.

Hạng mục công việc được liệt kê trong bảng giá dự thầu của nhà thầu không thuộc phạm vi công việc nêu trong E-HSMT được coi là phần chào thừa và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b khoản này.

b) Hiệu chỉnh sai lệch thừa, thiếu về phạm vi cung cấp:

Trường hợp E-HSDT của nhà thầu chào thiếu một hoặc một số hạng mục theo quy định tại điểm a khoản này và không có đơn giá của các hạng mục này thì lấy mức đơn giá chào cao nhất đối với hạng mục này trong số các E-HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong E-HSDT của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá thì lấy đơn giá trong dự toán gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu để hiệu chỉnh sai lệch, làm cơ sở so sánh, xếp hạng nhà thầu. Việc hiệu chỉnh sai lệch thiếu chỉ nhằm mục đích so sánh, xếp hạng E-HSDT.

Trường hợp E-HSDT của nhà thầu chào thiếu khối lượng so với yêu cầu trong E-HSMT thì giá trị của phần công việc chào thiếu được cộng thêm theo đơn giá tương ứng trong E-HSDT.

Trường hợp E-HSDT của nhà thầu chào thừa khối lượng so với yêu cầu trong E-HSMT thì giá trị của phần công việc chào thừa sẽ bị trừ đi theo đơn giá tương ứng trong E-HSDT.

24.5 Trường hợp nhà thầu có giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá.

24.6. Áp đơn giá đối với phần sai lệch thiếu đối với nhà thầu xếp hạng thứ nhất:

Trường hợp E-HSDT của nhà thầu có sai lệch thiếu sau khi hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b Mục 24.4 E-CDNT vẫn được xếp hạng thứ nhất và E-HSDT của nhà thầu này không có đơn giá của phần sai lệch thiếu thì đơn giá đề nghị trúng thầu của phần sai lệch thiếu sẽ lấy theo thứ tự ưu tiên: đơn giá tương ứng có giá trị thấp nhất trong các E-HSDT vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật, đơn giá trong dự toán gói thầu, đơn giá hình thành giá gói thầu (trong trường hợp không có dự toán gói thầu).

24.7. Sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và áp đơn giá đối với phần sai lệch thiếu theo quy định tại các Mục 24.3, 24.4, 24.5, 24.6 E-CDNT,

	<p>chủ đầu tư phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá đối với E-HSĐT của nhà thầu. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của chủ đầu tư, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho chủ đầu tư về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá theo thông báo của chủ đầu tư. Trường hợp nhà thầu không đồng ý với kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá theo thông báo của chủ đầu tư thì E-HSĐT của nhà thầu đó bị loại, trừ trường hợp việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá của chủ đầu tư không phù hợp, chính xác.</p>
<p>25. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu</p>	<p>25.1. Trường hợp sau khi đánh giá, có nhiều nhà thầu được đánh giá tốt nhất, ngang nhau thì xử lý ưu tiên như sau: - Trao thầu cho nhà thầu có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp hơn.</p>
<p>26. Nhà thầu phụ</p>	<p>26.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện một hoặc một số hạng mục công việc của gói thầu. Nhà thầu phải kê khai nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ theo Mẫu số 10 Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho nhà thầu phụ.</p> <p>26.2. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSĐT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSĐT hoặc ký với nhà thầu phụ được Chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc gói thầu.</p> <p>26.3. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá: 20 (%) trên giá dự thầu. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thoả thuận liên danh.</p> <p>26.4. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu: Chuyển nhượng thầu bao gồm việc (i) nhà thầu tự ý chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu vượt quá giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ đã nêu trong hợp đồng, hoặc chưa vượt mức tối đa giá</p>

	<p>trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSDT, E-HSDT mà không được Chủ đầu tư chấp thuận hoặc (ii) Chủ đầu tư chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc thuộc gói thầu vượt quá giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ đã nêu trong hợp đồng</p> <p>26.5. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu đó, bao gồm: lập, thẩm định HSMQT, E-HSMT; đánh giá HSQT, E-HSDT; thẩm định kết quả mời quan tâm, kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
<p>27. Đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng</p>	<p>27.1. Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho Chủ đầu tư để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT.</p> <p>27.2. Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc - Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế. <p>27.3. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.</p> <p>Trường hợp phát hiện nhà thầu kê khai không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận</p>

quy định tại Mục 4.3 E-CDNT. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được tiếp tục thương thảo hợp đồng.

27.4. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:

- a) Báo cáo đánh giá E-HSĐT;
- b) E-HSĐT và các tài liệu làm rõ E-HSĐT (nếu có) của nhà thầu;
- c) E-HSMT bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể của hợp đồng và các tài liệu làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có).

27.5. Nội dung thương thảo hợp đồng:

- a) Việc thương thảo bao gồm thảo luận điều khoản tham chiếu, phương pháp luận được đề xuất, điều kiện cụ thể của hợp đồng và hoàn thiện phần “Phạm vi công việc” của hợp đồng với điều kiện không làm thay đổi đáng kể phạm vi dịch vụ ban đầu theo điều khoản tham chiếu hay điều khoản của hợp đồng;
- b) Kế hoạch công tác và bố trí nhân sự;
- c) Tiến độ;
- d) Giải quyết thay đổi nhân sự (nếu có);
- đ) Bố trí điều kiện làm việc;
- e) Thương thảo về chi phí dịch vụ tư vấn trên cơ sở phù hợp với yêu cầu của gói thầu và điều kiện thực tế, bao gồm việc xác định rõ các khoản thuế nhà thầu phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế (nếu có), phương thức nộp thuế (nhà thầu trực tiếp nộp thuế hoặc Chủ đầu tư giữ lại một khoản tiền tương đương với giá trị thuế để nộp thay cho nhà thầu theo quy định của pháp luật hiện hành), giá trị nộp thuế và các vấn đề liên quan khác đến nghĩa vụ nộp thuế phải được nêu cụ thể trong hợp đồng;
- g) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;
- h) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự đã đề xuất trong E-HSĐT, trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSĐT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu được thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm các nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.

27.6. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; ĐKCT của hợp

	<p>đồng.</p> <p>27.7. Trường hợp thương thảo không thành công, Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 29.1 E-CDNT.</p> <p>27.8. Trường hợp vì lý do khách quan, bất khả kháng dẫn đến nhà thầu không thể đến thương thảo hợp đồng trực tiếp với Chủ đầu tư, Chủ đầu tư có thể xem xét, thương thảo qua mạng.</p> <p>27.9. Chủ đầu tư gửi thông báo thương thảo, đối chiếu tài liệu đến nhà thầu. Trong thông báo mời thương thảo, đối chiếu tài liệu phải ghi rõ địa điểm, thời gian thương thảo, đối chiếu tài liệu phù hợp để bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến thương thảo, đối chiếu tài liệu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.</p>
<p>28. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</p>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>28.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương II;</p> <p>28.2. Có đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương II;</p> <p>28.3. Có giá dự thầu thấp nhất đối với phương pháp giá thấp nhất; có điểm kỹ thuật cao nhất đối với phương pháp giá cố định và phương pháp dựa trên kỹ thuật; có điểm tổng hợp cao nhất đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá;</p> <p>28.4. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu theo quy định như sau:</p> <p>Bao gồm chi phí dự phòng cho các yếu tố rủi ro về khối lượng công việc và trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng tương ứng với trách nhiệm quản lý rủi ro giao cho nhà thầu; trường hợp gói thầu tư vấn đơn giản, thời gian thực hiện gói thầu ngắn, không phát sinh rủi ro, trượt giá thì chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá được tính bằng 0 (đồng)"</p>
<p>29. Hủy thầu</p>	<p>29.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) E-HSMT không tuân thủ quy định dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>c) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 9 của Quy chế LCNT dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>d) Đấu thầu trước nhưng Dự án/khoản đầu tư không được phê duyệt</p>

	<p>theo khoản 5 Điều 25 của Quy chế LCNT;</p> <p>e) Hủy thầu theo quy định tại khoản 15 Điều 36 Quy chế LCNT.</p> <p>29.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm của Quy định Về lựa chọn nhà thầu trong Công ty mẹ Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c Mục 29.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p>
<p>30. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</p>	<p>30.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng. <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật; - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng. <p>c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>30.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị trên Hệ thống hoặc gặp trực tiếp Chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.</p> <p>30.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 29.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>
<p>31. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng</p>	<p>Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng, bao gồm thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 16 Chương IV cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSDT và</p>

	<p>trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng được tính kể từ ngày Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.</p>
<p>32. Hoàn thiện và ký kết hợp đồng</p>	<p>Hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng thực hiện như sau:</p> <p>32.1. Việc hoàn thiện hợp đồng để ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Dự thảo hợp đồng; b) Các nội dung cần được hoàn thiện hợp đồng giữa Chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu; c) Kết quả lựa chọn nhà thầu được duyệt; d) Biên bản thương thảo hợp đồng; đ) Các nội dung nêu trong E-HSĐT và văn bản giải thích làm rõ E-HSĐT của nhà thầu trúng thầu (nếu có); e) Các yêu cầu nêu trong E-HSMT và văn bản làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có). <p>32.2. Sau khi nhận được thông báo trúng thầu, trong thời hạn 10 ngày, các bên tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng. Quá thời hạn nêu trên, nếu nhà thầu từ chối vào hoàn thiện, ký kết hợp đồng thì Chủ đầu tư xem xét, quyết định huỷ kết quả lựa chọn nhà thầu trước đó và quyết định lựa chọn nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. Trong trường hợp đó, nhà thầu sẽ được Chủ đầu tư yêu cầu gia hạn hiệu lực E-HSĐT, nếu cần thiết.</p> <p>32.3. Trường hợp nhà thầu trúng thầu từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì Chủ đầu tư đăng tải thông tin nhà thầu vi phạm lên Hệ thống để Chủ đầu tư có cơ sở đánh giá về uy tín của nhà thầu trong các lần tham dự thầu tiếp theo.</p> <p>32.4. Sau khi hoàn thiện hợp đồng, Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ ký kết hợp đồng. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSĐT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p>
<p>33. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</p>	<p>33.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị Người có thẩm quyền, Chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại các Điều 37 và 38 của Quy định Về lựa chọn nhà thầu trong Công ty mẹ Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội.</p> <p>33.2. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Người có</p>

	<p>thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền: Ông Vũ Tiến Duy – Giám đốc Công ty Quản lý tài sản Viettel.+ Địa chỉ: Tầng 2, tháp A, tòa nhà Thelight, Đường Tố Hữu, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội;+ E-mail: Duyvt1@viettel.com.vn.
--	---

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1). *(Ví dụ: thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022);*

Đối với nhà thầu có thời gian thành lập dưới 01 năm và không phải kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu thì không đánh giá tiêu chí này.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

3. Tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản Mục 5 E-CDNT

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong các bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

2.1. Việc đánh giá về kỹ thuật đối với từng E-HSDT được thực hiện theo phương pháp chấm điểm, trong đó phải quy định mức điểm tối đa đối với các tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết; quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát và chi tiết của các nội dung giải pháp và phương pháp luận, nhân sự chủ chốt. Đối với tiêu chuẩn về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu, căn cứ tính chất gói thầu để xác định sự cần thiết quy định hoặc không quy định điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát này. Việc đánh giá hợp đồng tương tự của nhà thầu liên danh căn cứ vào khối lượng công việc của từng thành viên trong liên danh đảm nhận.

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật bao gồm các nội dung sau đây:

Bảng số 01

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
1	Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu (Từ 0 đến 15% tổng số điểm)	15		
1.1	<p>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực tư vấn giám sát. (Tài liệu chứng minh: Nhà thầu đính kèm E-HSĐT các tài liệu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng tư vấn giám sát đã thực hiện. - Tài liệu chứng minh hợp đồng đã hoàn thành như: Biên bản nghiệm thu hoặc biên bản thanh lý hoặc tài liệu xác nhận của đơn vị giao thầu. <p>Đối với nhà thầu liên danh: Thành viên liên danh nào có số điểm đánh giá thấp nhất thì số điểm đó sẽ là số điểm của cả liên danh.</p>	5	<p>Từ 10 năm trở lên: 5 Từ 5 đến dưới 10 năm: 3 Dưới 5 năm: 1</p>	
1.2	<p>Kinh nghiệm đã thực hiện hợp đồng tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng cấp I trở lên trong 3 năm gần đây (tính đến thời điểm đóng thầu). Thời điểm xác định hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc hoàn thành. (Tài liệu chứng minh: Nhà thầu đính kèm E-HSĐT các tài liệu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng tư vấn giám sát công trình đã thực hiện. 	10	<ul style="list-style-type: none"> - Đã hoàn thành từ 3 hợp đồng trở lên: 10 - Đã hoàn thành 2 hợp đồng: 5 - Đã hoàn thành 1 hợp đồng: 3 - Không có hợp đồng hoàn thành: 0 	

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<p>- Tài liệu chứng minh cấp công trình.</p> <p>- Tài liệu chứng minh thời điểm hợp đồng đã hoàn thành như: Biên bản nghiệm thu hoặc biên bản thanh lý hoặc tài liệu xác nhận của đơn vị giao thầu.</p> <p>Đối với nhà thầu liên danh: Từng thành viên liên danh được đánh giá theo quy định tại khoản này tương ứng với phạm vi công việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên danh. Thành viên liên danh nào có số điểm đánh giá thấp nhất thì số điểm đó sẽ là số điểm của cả liên danh</p>			
2	<p>Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu⁽³⁾ (5% tổng số điểm)</p>	5		
2.1	<p>Nhà thầu cam kết:</p> <p>- Không vi phạm các hành vi bị cấm theo quy định tại Điều 9 Quy chế LCNT.</p> <p>- Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng tư vấn, EPC, EC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu.</p> <p>Đối với nhà thầu liên danh: Thành viên liên danh nào có số điểm đánh giá thấp nhất thì số điểm đó sẽ</p>	5	<p>Cam kết của Nhà thầu đúng và đủ theo các nội dung: 5</p> <p>- Cam kết của Nhà thầu không đúng và đủ theo các nội dung hoặc không có cam kết: 0</p>	

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	là số điểm của cả liên danh..			
3	Giải pháp và phương pháp luận (Từ 30 đến 40% tổng số điểm)	30		18
3.1	Am hiểu về phạm vi, tính chất, nội dung công việc của dự án, gói thầu	3	Điểm đánh giá = hệ số đánh giá x mức điểm tối đa Hệ số đánh giá: + Hệ số đánh giá 0,9 - 1,0: Trình bày đầy đủ, chi tiết, hợp lý. + Hệ số đánh giá 0,7 - 0,9: Trình bày tương đối đầy đủ, chi tiết, hợp lý. + Hệ số đánh giá 0,5 - 0,7: Trình bày cơ bản, còn thiếu một số điểm nhưng chấp nhận được. + Hệ số đánh giá 0,2 - 0,5: Trình bày sơ sài, không đầy đủ nội dung chính. + Hệ số đánh giá 0 - 0,2: Không trình	
3.2	<i>Cách tiếp cận và phương pháp luận:</i> - Trình bày rõ các công việc cần phải thực hiện, cách thực hiện công việc thuộc gói thầu.	3		
3.3	Đề xuất biện pháp đảm bảo chất lượng, sáng kiến cải tiến cho công tác tư vấn	3		
3.4	<i>Cách trình bày:</i> - Đề xuất được kết cấu và trình bày một cách hợp lý, dễ theo dõi	3		
3.5	<i>Kế hoạch triển khai:</i> Kế hoạch triển khai các công việc của gói thầu phù hợp với tiến độ yêu cầu theo quy định tại mục II chương IV của HSMT, linh hoạt với thời gian thi công của gói thầu: "Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình (Không bao gồm hạng mục cọc và tường vây"	6		

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu	
3.6	Bố trí nhân sự phù hợp với yêu cầu công việc của gói thầu: Bố trí nhân sự đầy đủ theo yêu cầu của E-HSMT	12	bày hoặc có trình bày nhưng không đáp ứng yêu cầu.		
4	Nhân sự chủ chốt⁽⁴⁾ (Từ 50 đến 60% tổng số điểm)	50		27	
	Vị trí	Số lượng			
4.1	Giám sát trưởng (Trường hợp là nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải bố trí 01 giám sát trưởng)	1	10		
4.1.1	Yêu cầu về chứng chỉ: - Có chứng chỉ hành nghề Giám sát công tác xây dựng công trình hoặc giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình hạng I trở lên còn hiệu lực tính đến thời điểm đóng thầu		6	Đáp ứng chứng chỉ theo yêu cầu: 6,0 Không đáp ứng chứng chỉ theo yêu cầu: 0 <i>(Tài liệu chứng minh: Nhà thầu đính kèm bản scan chứng chỉ hành nghề của nhân sự để chứng minh)</i>	6
4.1.2	Kinh nghiệm làm giám sát trưởng công trình dân dụng cấp I trở lên		4	- Từ 3 công trình trở lên: 4 - 2 công trình: 2,0 - 1 công trình: 1,0 - Không có công trình: 0 <i>(Tài liệu chứng minh: Nhà thầu đính</i>	

STT	Tiêu chuẩn		Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
				<p><i>kèm E HSDT các tài liệu sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng tư vấn giám sát công trình; - Tài liệu chứng minh cấp công trình; - Tài liệu chứng minh hợp đồng hoàn thành: Biên bản nghiệm thu hoặc biên bản thanh lý hoặc tài liệu xác nhận của bên giao thầu hoặc các tài liệu khác tương đương. - Tài liệu chứng minh nhân sự đã đảm nhiệm vị trí giám sát trưởng công trình (Quyết định giao nhiệm vụ hoặc tài liệu khác trong đó ghi tên nhân sự đảm nhiệm vị trí giám sát trưởng công trình) 	
4.2	Giám sát viên công tác xây dựng công trình	8	20		12
4.2.1	<p>Yêu cầu về chứng chỉ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chứng chỉ hành nghề Giám sát công tác xây dựng công trình còn hiệu lực tính đến thời điểm đóng thầu 		12,0	<p>Đối với mỗi nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng chứng chỉ theo yêu cầu: 1,5 - Không đáp ứng chứng chỉ theo yêu cầu: 0 <p><i>(Tài liệu chứng minh: Nhà thầu đính kèm bản scan chứng chỉ hành nghề của</i></p>	12

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
			<i>nhân sự để chứng minh)</i>	
4.2.2	Kinh nghiệm tham gia giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng cấp I trở lên	8	<p>Đối với mỗi nhân sự</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 2 công trình trở lên: 1,0 - 1 công trình: 0,5 - không có công trình: 0 <p><i>(Tài liệu chứng minh: Nhà thầu đính kèm E HSDT các tài liệu sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Hợp đồng tư vấn giám sát;</i> - <i>Tài liệu chứng minh cấp công trình;</i> - <i>Tài liệu chứng minh hợp đồng hoàn thành: Biên bản nghiệm thu hoặc biên bản thanh lý hoặc tài liệu xác nhận của bên giao thầu hoặc các tài liệu khác tương đương.</i> - <i>Tài liệu chứng minh nhân sự đã tham gia giám sát công tác xây dựng công trình (Quyết định giao nhiệm vụ hoặc tài liệu khác trong đó ghi tên nhân sự tham gia giám sát công tác xây dựng công trình)</i> 	

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
4.3	Giám sát viên công tác lắp đặt thiết bị	6	15	9
4.3.1	Yêu cầu về bằng cấp, chứng chỉ: - Có chứng chỉ hành nghề giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình		9 Đối với mỗi nhân sự: - Đáp ứng chứng chỉ theo yêu cầu: 1,5 - Không đáp ứng chứng chỉ theo yêu cầu: 0 <i>(Tài liệu chứng minh: Nhà thầu đính kèm bản scan chứng chỉ hành nghề của nhân sự để chứng minh)</i>	9
4.3.2	Kinh nghiệm tham gia giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình.		6 Đối với mỗi nhân sự - Từ 2 công trình trở lên: 1,0 - 1 công trình: 0,5 - không có công trình: 0 <i>(Tài liệu chứng minh: Nhà thầu đính kèm E HSDT các tài liệu sau: - Hợp đồng tư vấn giám sát trong đó có phần công việc giám sát lắp đặt thiết bị vào công trình; - Tài liệu chứng minh công việc hoàn thành: Biên bản nghiệm thu hoặc biên bản thanh lý hoặc tài liệu xác nhận của</i>	

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
			<p><i>bên giao thầu hoặc các tài liệu khác tương đương.</i></p> <p><i>- Tài liệu chứng minh nhân sự đã tham gia giám sát lắp đặt thiết bị vào công trình (Quyết định giao nhiệm vụ hoặc tài liệu khác trong đó ghi tên nhân sự tham gia giám sát phần lắp đặt thiết bị)</i></p>	
4.4	Cán bộ hỗ trợ công tác trắc đạc công trình	1	2,5	
4.4.1	Có chứng chỉ hành nghề khảo sát địa hình còn thời hạn tính đến thời điểm đóng thầu		1,5	
4.4.2	Kinh nghiệm tham gia giám sát công tác xây dựng công trình hoặc khảo sát địa hình tối thiểu 01 công trình.		1	

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
			<i>hoặc khảo sát địa hình)</i>	
4.5	Cán bộ hỗ trợ công tác An toàn lao động	1	2,5	
4.5.1	- Tốt nghiệp Đại học có chuyên ngành xây dựng công trình. - Có giấy chứng nhận huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động còn hiệu lực tính đến thời điểm đóng thầu.		1,5	- Đáp ứng theo yêu cầu: 1,5 - Không đáp ứng yêu cầu: 0 <i>(Tài liệu chứng minh: Nhà thầu đính kèm bản scan: Bằng tốt nghiệp đại học, chứng nhận huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động của nhân sự để chứng minh)</i>
4.5.2	Đã trực tiếp tham gia thi công xây dựng công trình hoặc làm cán bộ chuyên trách về an toàn lao động trên công trường xây dựng tối thiểu 01 (một) công trình.		1	- Đáp ứng theo yêu cầu: 1 - Không đáp ứng yêu cầu: 0 <i>(Tài liệu chứng minh: Nhà thầu đính kèm bản scan các tài liệu sau: - Phiếu giao nhiệm vụ hoặc tài liệu khác trong đó ghi tên nhân sự đã trực tiếp tham gia thi công xây dựng công trình hoặc đã tham gia chuyên trách về an toàn lao động trên công trường)</i>
5	Yêu cầu về chuyên gia công nghệ (nếu có) (Từ 0% đến 10% tổng số điểm)		0	
	Tổng cộng (100%)		100	70

Ghi chú:

(1) Thời điểm xác định hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc hoàn thành.

Hợp đồng tương tự được xác định trên cơ sở tương tự về tính chất, không căn cứ vào quy mô (giá trị hợp đồng).

(2) Tùy theo tính chất của gói thầu mà quy định cho phù hợp. Ví dụ: đáp ứng về vật tư, máy móc, thiết bị (thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc đi thuê) để phục vụ công việc thí nghiệm....

(3) Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu thực hiện: Căn cứ gói thầu cụ thể để đưa ra tiêu chí phù hợp.

(4) Nhà thầu có thể đề xuất nhân sự chủ chốt thuộc biên chế của nhà thầu hoặc đi thuê. Nếu pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có quy định nhân sự phải có trình độ, bằng cấp chuyên môn cụ thể để được cấp giấy phép hành nghề/chứng chỉ chuyên môn thì trong E-HSMT ngoài yêu cầu về giấy phép hành nghề/chứng chỉ chuyên môn không được yêu cầu về trình độ, bằng cấp cụ thể của nhân sự chủ chốt.

2.2 Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật cần đảm bảo các yêu cầu sau:

E-HSMT không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một hoặc các tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyên gia công nghệ (nếu có) được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;

E-HSMT có điểm kỹ thuật không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính:

3.1 Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá

Bước 1: Xác định giá dự thầu;

Bước 2: Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), được thực hiện theo quy định tại Mục 24 E-CDNT;

Bước 3: Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) trừ giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4: Xác định điểm giá.

Điểm giá được xác định như sau:

$$\text{Điểm giá}_{\text{đang xét}} = \frac{G_{\text{thấp nhất}} \times T}{G_{\text{đang xét}}}$$

Trong đó:

+ Điểm giá_{đang xét}: Điểm giá của E-HSĐXTC đang xét;

+ $G_{\text{thấp nhất}}$: Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính (đối với

gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính;

+ $G_{\text{đang xét}}$: Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của Hồ sơ dự thầu về tài chính đang xét (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) của E-HSDXTC đang xét;

+ T: Mức điểm tối đa kỹ thuật.

Bước 5: Xác định điểm tổng hợp:

Điểm tổng hợp được xác định theo công thức sau đây:

Điểm tổng hợp_{đang xét} = $K \times \text{Điểm kỹ thuật}_{\text{đang xét}} + G \times \text{Điểm giá}_{\text{đang xét}}$

Trong đó:

+ Điểm kỹ thuật_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về kỹ thuật;

+ Điểm giá_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về giá;

+ K: Tỷ trọng điểm về kỹ thuật quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ 70%;

+ G: Tỷ trọng điểm về giá quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ 30%;

+ $K + G = 100\%$;

Bước 6: Xếp hạng nhà thầu. E-HSDT có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất.

CHƯƠNG III. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

1. Khái quát về dự án

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng Tòa nhà Viettel Đà Nẵng.
- Địa điểm: Lô A1.1, khu công nghiệp Bắc Tượng Đài, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng.
- Chủ đầu tư: Tập đoàn Công nghiệp- Viễn thông Quân đội.
- Đại diện Chủ đầu tư: Công ty Quản lý tài sản Viettel.
- Quy mô xây dựng dự kiến: Đầu tư xây dựng mới toàn bộ công trình với quy mô:
 - + Diện tích xây dựng công trình: 1.911 m²;
 - + Tầng cao xây dựng: 18 tầng nổi+02 tầng hầm;
 - + Chiều cao công trình tối đa: 80m;
 - + Tổng diện tích sàn xây dựng: Khoảng 40.000 m² (Khoảng 29.624 m² sàn tầng nổi, khoảng 10.248 m² sàn tầng hầm);
 - + Nhà để xe: 2 tầng hầm sử dụng làm chỗ đỗ xe;
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn góp của Chủ sở hữu;
- Tổng mức đầu tư: 1.289.950.517.000 đồng (Theo quyết định 15575/QĐ-CNVTQĐ-ĐTƯ ngày 30/12/2024).

2. Khái quát về gói thầu:

- Tên gói thầu: Tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình (Không bao gồm hạng mục cọc và tường vây).
- Chủ đầu tư: Tập đoàn Công nghiệp- Viễn thông Quân đội.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn hai túi hồ sơ
- Loại hợp đồng: Trọn gói
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 680 ngày

3. Mục đích tuyển chọn nhà thầu: Lựa chọn nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình cho toàn bộ các phần việc liên quan thuộc gói thầu “Tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình (Không bao gồm hạng mục cọc và tường vây)” thuộc dự án Đầu tư xây dựng Tòa nhà Viettel Đà Nẵng

II. Phạm vi công việc:

1. Mô tả chi tiết phạm vi công việc đối với nhà thầu, nguồn vốn, tên cơ quan thực hiện dự án/dự toán mua sắm, thời gian, tiến độ thực hiện, số tháng - người hoặc ngày – người cần thiết (nếu có).

1.1. Phạm vi công việc: Nhà thầu tư vấn giám sát sẽ thực hiện bao gồm toàn bộ các nội dung tư vấn giám sát về mặt chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong quá trình thi công của tất cả các công việc do nhà thầu thi công thực hiện theo yêu cầu của gói thầu triển khai theo quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam.

(Chi tiết thể hiện trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được BMT cung cấp cho Nhà thầu kèm theo E-HSMT này)

1.2. Nguồn vốn: Vốn góp của chủ sở hữu.

1.3. Tên đơn vị thực hiện dự án: Công ty Quản lý tài sản Viettel

1.4. Thời gian thực hiện hợp đồng: 680 ngày (bao gồm cả thứ 7, chủ nhật, ngày lễ, tết theo quy định).

2. *Mô tả các nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện gói thầu tư vấn. Trong đó phải nêu rõ loại công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, loại công việc tính theo lương chuyên gia.*

Các nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện hợp đồng tư vấn bao gồm:

- Giám sát, kiểm tra và báo cáo Chủ đầu tư về nhân lực, thiết bị thi công của nhà thầu thi công xây dựng đưa vào công trường so với hồ sơ dự thầu và hợp đồng.

- Giám sát, kiểm tra và báo cáo Chủ đầu tư về các hệ thống quản lý chất lượng của Nhà thầu thi công xây dựng.

- Giám sát, kiểm tra và báo cáo Chủ đầu tư về giấy phép sử dụng các máy móc, thiết bị, vật tư có yêu cầu an toàn phục vụ thi công xây dựng.

- Giám sát, kiểm tra và báo cáo Chủ đầu tư về cơ sở sản xuất vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng phục vụ thi công xây dựng của Nhà thầu tham gia thi công xây dựng.

- Giám sát, kiểm tra và báo cáo Chủ đầu tư về trang thiết bị, cơ sở vật chất, dụng cụ thí nghiệm, kết quả thí nghiệm của phòng thí nghiệm do Nhà thầu thi công đề xuất.

- Giám sát, kiểm tra và báo cáo Chủ đầu tư về chất lượng vật tư, vật liệu và thiết bị lắp đặt vào công trường theo đúng các tài liệu trong Hợp đồng.

- Giám sát, kiểm tra và báo cáo Chủ đầu tư về giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất, kết quả thí nghiệm của các phòng thí nghiệm hợp chuẩn và kết quả kiểm định chất lượng thiết bị của tổ chức được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận đối với vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình trước khi đưa vào xây dựng công trình.

- Giám sát, kiểm tra sự phù hợp của biện pháp thi công do Nhà thầu thi công xây dựng đệ trình.

- Kiểm tra, giám sát thường xuyên có hệ thống nhà thầu thi công xây dựng công trình triển khai các công việc tại hiện trường. Kết quả kiểm tra đều phải ghi nhật ký giám sát của Chủ đầu tư hoặc biên bản kiểm tra theo quy định.

- Giám sát, kiểm tra và nghiệm thu theo quy định.

- Tập hợp, kiểm tra tài liệu nghiệm thu công việc xây dựng, bộ phận công trình, giai đoạn thi công xây dựng, nghiệm thu thiết bị, nghiệm thu hoàn thành từng hạng mục công trình xây dựng và hoàn thành công trình xây dựng.

- Phát hiện sai sót, bất hợp lý về thiết kế điều chỉnh hoặc yêu cầu Nhà thầu thiết kế điều chỉnh.

- Báo cáo, đề xuất với Chủ đầu tư để tổ chức kiểm định chất lượng bộ phận công trình, hạng mục công trình và công trình khi có nghi ngờ về chất lượng.

- Báo cáo Chủ đầu tư và phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng.

- Thiết lập hệ thống và các yêu cầu cho việc báo cáo (trong giai đoạn sau đấu thầu) cùng các nhà Tư vấn, nhà thầu hoặc nhà thầu phụ.

- Giám sát và báo cáo Chủ đầu tư về tiến độ xây dựng tại các thời điểm hoàn thành các công tác thi công được tiến hành đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, các tiêu chí thực hiện và tiến độ quản lý chất lượng.

- Giám sát và báo cáo các tác động của tất cả các phát sinh, sự chậm trễ đối với các thỏa thuận về tiến độ. Tiếp nhận và xem xét trình nộp các yêu cầu thanh toán của Nhà thầu đề xuất lên Chủ đầu tư.

- Liên hệ và phối hợp cùng với các nhà Tư vấn, nhà thầu hoặc thầu phụ trong việc trình nộp tất cả các chỉ dẫn và hướng dẫn bảo trì, vận hành, chứng chỉ thí nghiệm, bảo hành, bảo đảm, bản vẽ hoàn công và sơ đồ lắp đặt (nếu có).

- Nghiệm thu các công tác đã hoàn thành trong việc tuân thủ theo Hồ sơ hợp đồng và bản vẽ trước khi phát hành chứng chỉ nghiệm thu.

- Nghiệm thu các công tác cần sửa chữa trong quá trình hoàn chỉnh và cuối quá trình hoàn chỉnh, phối hợp cùng các nhà thầu tư vấn trước khi phát hành chứng chỉ hoàn thành.

- Thực hiện cho Chủ đầu tư việc Tư vấn giám sát thi công và lắp đặt thiết bị (nếu có) của Hợp đồng giữa Chủ đầu tư và các nhà thầu, biện pháp thi công, vấn đề an toàn và vệ sinh công trường. Kiểm tra trình độ tay nghề, hiệu quả chi phí thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật, dàn xếp tranh chấp đối với các hợp đồng liên quan.

Phối hợp với các Nhà thầu Tư vấn khác do Chủ đầu tư chỉ định cho Dự Giám sát và kiểm tra tất cả các công tác thi công một cách tổng thể dựa theo bản vẽ, hợp đồng, tiêu chuẩn kỹ thuật và các điều kiện khác được thể hiện trong các hồ sơ liên quan.

- Tham gia dự các cuộc họp hàng tuần hay cuộc họp phối hợp cần thiết cùng Nhà thầu hoặc thầu phụ trong suốt quá trình thi công.

- Đánh giá sơ bộ trước tất cả các hồ sơ trình nộp (Bản vẽ triển khai, bản vẽ biện pháp thi công, mẫu vật liệu, báo cáo thí nghiệm.....do các nhà thầu hoặc nhà thầu phụ đệ trình).

- Phát hành chỉ dẫn của nhà quản lý giám sát thi công cho việc bổ sung, loại bỏ hay chỉnh sửa so với hợp đồng gốc, bao gồm bất kỳ việc chỉnh sửa nào có được sự chấp thuận của Chủ đầu tư

- Cung cấp cho Chủ đầu tư báo cáo tiến độ thường xuyên hàng tuần.

- Giám sát, quản lý tất cả các nhân viên thuộc quyền của mình.

Kiểm tra và xác nhận tất cả các bản vẽ hoàn công của các Nhà thầu hoặc nhà thầu phụ trình nộp sau khi hoàn tất hợp đồng.

- Cung cấp các danh sách chỉnh sửa cần thiết sau khi thực hiện công tác nghiệm thu bàn giao.

- Đề xuất chứng chỉ nghiệm thu lên Chủ đầu tư sau khi thỏa mãn với các công tác nghiệm thu hoàn thành, các công tác tồn đọng và danh sách các công tác cần thiết phải sửa chữa.

- Thực hiện các trách nhiệm khác theo như quy định của Hợp đồng giữa Nhà thầu TVGS và Chủ đầu tư.

3. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện DVTV

Theo thông báo của Chủ đầu tư sau khi hợp đồng được ký kết

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

Nhà thầu có trách nhiệm lập báo cáo về công tác giám sát thi công xây dựng công trình theo nội dung quy định tại Phụ lục IV Nghị định 06/2021/NĐ-CP gửi chủ đầu tư và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, khách quan đối với những nội dung trong báo cáo này. Báo cáo được lập trong các trường hợp sau:

- Báo cáo định kỳ về công tác giám sát thi công xây dựng công trình hàng tuần, hàng tháng, hàng quý theo quy định tại Phụ lục IVa Nghị định 06/2021/NĐ-CP;

- Báo cáo hoàn thành công tác giám sát thi công xây dựng hạng mục công trình theo quy định tại Phụ lục IVb Nghị định 06/2021/NĐ-CP;

- Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của chủ đầu tư.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

Yêu cầu về nhân sự cần thiết cho gói thầu và cho từng vị trí.

Nhà thầu phải đảm bảo có đủ nhân sự chủ chốt theo yêu cầu tại Mục 2, Chương II của E-HSMT, và các nhân sự khác đảm bảo theo yêu cầu công việc.

- Nhân lực của nhà thầu phải đủ điều kiện năng lực theo quy định, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp với công việc đảm nhận trong gói thầu và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng và pháp luật chuyên ngành.

- Nhà thầu mô tả sơ đồ tổ chức bố trí thực hiện gói thầu của nhà thầu và mô tả rõ chức năng nhiệm vụ của các vị trí, bao gồm các vị trí tối thiểu theo yêu cầu tại Chương II của E-HSMT. Ngoài ra nhà thầu bố trí nhân sự khác theo yêu cầu của công việc.

V. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Bố trí cán bộ hỗ trợ và cung cấp những tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ của tư vấn, kể cả các tài liệu nghiên cứu liên quan hiện có nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu thực hiện nhiệm vụ của mình.

- Xử lý các yêu cầu của Nhà thầu trong phạm vi trách nhiệm của mình.

CHƯƠNG IV - BIỂU MẪU MỜI THẦU, DỰ THẦU VÀ HỢP ĐỒNG

STT	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01. Hạng mục công việc của gói thầu	Biểu mẫu đính kèm	X	
E-HSDXKT				
2	Mẫu số 02. Đơn dự thầu thuộc E-HSDXKT			X
3	Mẫu số 02A. Bản cam kết tính hợp lệ			X
4	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			X
5	Mẫu số 04. Cơ cấu tổ chức và kinh nghiệm của nhà thầu tư vấn			X
6	Mẫu số 05. Những góp ý (nếu có) để hoàn thiện nội dung điều khoản tham chiếu			X
7	Mẫu số 06. Giải pháp và phương pháp luận tổng quát do nhà thầu đề xuất để thực hiện dịch vụ tư vấn (DVTV)			X
8	Mẫu số 07: Lý lịch chuyên gia tư vấn			X
9	Mẫu số 08: Tiến độ thực hiện công việc			X
10	Mẫu số 09: Danh sách chuyên gia tham gia thực hiện DVTV			X
11	Mẫu số 10. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ			X
E-HSDXTC				
12	Mẫu số 11. Đơn dự thầu thuộc E-HSDXTC			X
13	Mẫu số 12. Bảng thù lao cho chuyên gia			X
14	Mẫu số 12A. Bảng phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia			X
15	Mẫu số 13. Chi phí khác cho chuyên gia		X	
16	Mẫu số 14. Chi phí hạng mục công việc dựa trên đơn giá và		X	

STT	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
	khối lượng			
17	Mẫu số 15. Bảng tổng hợp chi phí			X
18	Mẫu số 17. Mẫu hợp đồng		X	

Mẫu số 01

HẠNG MỤC CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU**1. Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói: Không áp dụng**

Mẫu số 01A

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)

2. Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá: Không áp dụng

Mẫu số 01B

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)

3. Phần công việc dựa trên lương chuyên gia và chi phí khác ngoài lương, áp dụng loại hợp đồng trọn gói hoặc hợp đồng theo thời gian

Mẫu số 01C

STT	Mô tả công việc
1	Tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình (Không bao gồm hạng mục cọc và tường vây)

Ghi chú:

- Mẫu số 01A áp dụng khi gói thầu bao gồm phần công việc dựa theo đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói;
- Mẫu số 01B áp dụng khi gói thầu bao gồm phần công việc dựa theo đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá;
- Mẫu số 01C áp dụng cho phần công việc dựa trên lương chuyên gia và chi phí khác ngoài lương, áp dụng loại hợp đồng trọn gói hoặc hợp đồng theo thời gian;
- Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục công việc khác nhau thì có thể áp dụng đồng thời các Mẫu số 01A, 01B, 01C tương ứng cho từng hạng mục công việc.

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾
(Thuộc E-HSDXKT)

Ngày: ___ [Nhà thầu điền thông tin]

Tên gói thầu: ___ [Nhà thầu điền thông tin]

Kính gửi: ___ [Tên Chủ đầu tư]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

- Tên nhà thầu: ___ [Nhà thầu điền thông tin], Mã số thuế: ___ [Nhà thầu điền thông tin] cam kết thực hiện gói thầu ___ [Nhà thầu điền thông tin] số E-TBMT: ___ [Nhà thầu điền thông tin] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT.

Hiệu lực của E-HSDXKT: ___ [Nhà thầu điền thông tin hiệu lực của E-HSDXKT phù hợp với quy định tại Mục 15 E-CNDT]

BẢN CAM KẾT TÍNH HỢP LỆ*(Kèm theo đơn dự thầu thuộc E-HSDXKT)*

Ngày: ____

Tên gói thầu: [Nhà thầu điền tên gói thầu].

Kính gửi: [Nhà thầu điền tên Chủ đầu tư].

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ____, Mã số thuế: ____ cam kết:

1. Có đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam; Đối với hộ kinh doanh: Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký thành lập, hoạt động; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản; Đối với hộ kinh doanh: Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
4. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự ⁽¹⁾;
5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu các gói thầu của Tập đoàn hoặc các Đơn vị thành viên của Tập đoàn tổ chức theo quy định của pháp luật về đấu thầu, quy định mua sắm thường xuyên, quy chế về lựa chọn nhà thầu của Tập đoàn và các Đơn vị thành viên; không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu trên phạm vi toàn quốc theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
6. Có tên trong Danh sách ngăn đối với trường hợp đã lựa chọn được Danh sách ngắn.
7. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm Quy chế LCNT Viettel khác khi tham dự gói thầu này;
8. Những thông tin kê khai trong E-HSMT là trung thực;
9. Trường hợp trúng thầu, E-HSMT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSMT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

Ghi chú:

(1) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

THỎA THUẬN LIÊN DANHNgày: ___ [*Nhà thầu điện thông tin*]Gói thầu: ___ [*Nhà thầu điện thông tin*]Thuộc dự án/dự toán mua sắm: ___ [*Nhà thầu điện thông tin*]Căn cứ E-HSMT gói thầu: _____ [*Nhà thầu điện thông tin*] với số E-TBMT: ___
Nhà thầu điện thông tin]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: ___ [*Nhà thầu điện thông tin*]Mã số thuế: ___ [*Nhà thầu điện thông tin*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: ___ [*Nhà thầu điện thông tin*]Mã số thuế: ___ [*Nhà thầu điện thông tin*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Tên thành viên liên danh thứ n: ___ [*Nhà thầu điện thông tin*]Mã số thuế: ___ [*Nhà thầu điện thông tin*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu ___ [*Nhà thầu điện thông tin*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ___ [*Nhà thầu điện thông tin*].2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ___ [*ghi tên của liên danh*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [Nhà thầu điện thông tin] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công ____ [Nhà thầu điện thông tin thành viên lập liên danh] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽²⁾:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.
[- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;
- Tham gia và ký các văn bản quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây ⁽³⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- ____ - ____	- ____% - ____%
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____% - ____%
....
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Hủy thầu gói thầu ____ [Nhà thầu điện thông tin] thuộc Dự án/Khoản đầu tư ____ [Nhà thầu điện thông tin] theo thông báo của chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[Ký và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[Ký và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.
- (2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.
- (3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU TƯ VẤN

A. Cơ cấu tổ chức của nhà thầu

[Mô tả tóm tắt quá trình hình thành và tổ chức của nhà thầu (trường hợp liên danh thì mô tả tổ chức của mỗi thành viên trong liên danh). Mô tả số lượng chuyên gia tư vấn chuyên ngành mà nhà thầu ký hợp đồng lao động dài hạn hoặc không xác định thời hạn và nêu rõ số năm kinh nghiệm của từng chuyên gia].

B. Kinh nghiệm của nhà thầu

Các gói thầu DVTV tương tự do nhà thầu thực hiện trong vòng _____ [Ghi số năm]¹ năm gần đây.

Nhà thầu phải sử dụng bảng sau để kê khai cho mỗi DVTV tương tự như DVTV được yêu cầu trong gói thầu này mà nhà thầu đã thực hiện (với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác hoặc là nhà thầu phụ). Đối với từng công việc tương tự, nhà thầu tư vấn phải cung cấp bản tóm tắt bao gồm tên của nhân sự chủ chốt và nhà thầu phụ của nhà thầu đã tham gia, thời gian thực hiện công việc, giá hợp đồng (trường hợp nhà thầu tham dự thầu là thành viên liên danh hoặc là nhà thầu phụ thì ghi rõ khối lượng công việc, giá trị đảm nhận với vai trò thành viên liên danh, nhà thầu phụ).

Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của các chuyên gia với vai trò tư vấn cá nhân hoặc làm chuyên gia cho các nhà thầu tư vấn khác chỉ được tính vào kinh nghiệm làm việc của bản thân chuyên gia, không tính vào kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của nhà thầu nộp E-HSDT.

¹ Ghi số năm cụ thể căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu (thông thường là 3, 4 hoặc 5 năm, đối với nhà thầu thành lập ít hơn 3 năm vẫn tiếp tục xem xét, đánh giá mà không loại nhà thầu).

Thời gian	Tên công việc [<i>mô tả tóm tắt các kết quả, sản phẩm chính</i>]	Tên gói thầu, tên dự án/dự toán mua sắm, chủ đầu tư, địa điểm làm việc	Giá trị hợp đồng [<i>trường hợp liên danh thì nêu giá trị DVTV do nhà thầu thực hiện</i>]	Vai trò trong công việc [<i>ghi nhà thầu, nhà thầu phụ, thành viên trong liên danh</i>]	Thời gian thực hiện gói thầu [<i>ghi rõ từ ngày... đến ngày...]</i>	Thời gian thực hiện gói thầu thực tế [<i>từ ngày... đến ngày...]</i> Trường hợp chậm trễ thì nêu rõ lý do

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan.

**NHỮNG GÓP Ý (NẾU CÓ) ĐỂ HOÀN THIỆN
NỘI DUNG ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU**

[Nhà thầu trình bày những nội dung sửa đổi để hoàn thiện điều khoản tham chiếu nhằm thực hiện hợp đồng]

Đề xuất bổ sung, sửa đổi điều khoản tham chiếu:

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.

**GIẢI PHÁP VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TỔNG QUÁT
DO NHÀ THẦU ĐỀ XUẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN**

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất kỹ thuật (cả biểu đồ) gồm 3 phần:

- 1. Giải pháp và phương pháp luận*
- 2. Kế hoạch công tác*
- 3. Tổ chức và nhân sự*

Giải pháp và phương pháp luận. [Mô tả hiểu biết về mục tiêu của công việc ghi trong Điều khoản tham chiếu, cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận sẽ áp dụng để thực hiện công việc nhằm đạt được kết quả dự kiến và mức độ chi tiết của kết quả đó. Đối với gói thầu tư vấn giám sát, giải pháp và phương pháp luận cần bao gồm cả khía cạnh môi trường, xã hội. Nhà thầu lưu ý không sao chép, nhắc lại Điều khoản tham chiếu trong phần này]

Kế hoạch thực hiện. [Đưa ra kế hoạch thực hiện các hoạt động/công việc chính, nội dung và thời gian hoạt động, phân kỳ hoạt động và tương quan giữa các kỳ, các mốc chính (bao gồm các bước phê duyệt tạm thời của chủ đầu tư) và ngày dự kiến giao nộp báo cáo. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận, thể hiện sự hiểu biết về Điều khoản tham chiếu và khả năng chuyển Điều khoản tham chiếu thành kế hoạch thực hiện khả thi. Cần đính kèm danh sách các tài liệu hoàn chỉnh (bao gồm báo cáo) sẽ phải giao nộp. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với Kế hoạch tiến độ]

Tổ chức và Nhân sự. [Mô tả cơ cấu và thành phần nhóm chuyên gia, bao gồm danh sách các nhân sự chủ chốt, nhân sự khác, nhân viên hỗ trợ kỹ thuật và hành chính liên quan]

LÝ LỊCH CHUYÊN GIA TƯ VẤN

Tên nhà thầu:

Tên và số của vị trí tư vấn	[Ví dụ: K-1, TRƯỞNG NHÓM]
Tên chuyên gia tư vấn:	[điền tên đầy đủ]
Ngày sinh:	[ngày/tháng/năm]
Quốc tịch	

Trình độ học vấn: [liệt kê trường cao đẳng/đại học hoặc khóa học chuyên ngành, nêu tên của cơ sở đào tạo, thời gian học, loại bằng cấp đã đạt được]

Quá trình công tác phù hợp với công việc: [Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia theo Bảng sau, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp với công việc đang yêu cầu]

Thời gian (từ...đến...)	Tên cơ quan, đơn vị, vị trí đảm nhận và thông tin liên hệ để tham chiếu	Địa điểm làm việc	Tóm tắt công việc đã làm phù hợp với công việc đang yêu cầu

Thành viên của Hiệp hội chuyên ngành, tổ chức nghề nghiệp và tác phẩm đã xuất bản:

Ngôn ngữ (Chỉ nêu những ngôn ngữ có thể dùng để làm việc):

Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người khai

[Ký tên, chức danh và ghi rõ họ tên]

Ghi chú:

- Từng cá nhân chuyên gia tư vấn trong danh sách nêu tại Mẫu số 09 phải kê khai Mẫu này.
- Nhà thầu scan hợp đồng lao động; bản chụp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề chuyên môn của các chuyên gia tư vấn nêu trên đính kèm cùng E-HSDT.

TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

Stt	Nội dung công việc ⁽¹⁾	Tháng/ngày thứ ⁽²⁾ [Nhà thầu chọn tháng hoặc ngày trên Hệ thống]							
		1	2	3	4	5	n	Tổng
1	[Ví dụ: Hạng mục công việc 1:								
	1) Thu thập dữ liệu								
	2) Soạn thảo báo cáo								
	3) Báo cáo sơ bộ								
	4) Tổng hợp ý kiến								
	5) ...								
	6) Báo cáo cuối cùng]								
2	[Hạng mục công việc 2]								
...									
n									

Ghi chú:

- (1) Liệt kê tất cả hạng mục công việc, trong mỗi hạng mục công việc phải nêu tiến độ thực hiện các công việc cụ thể.
- (2) Thời gian cho mỗi công việc cụ thể thể hiện bằng biểu đồ, trường hợp cần thiết nhà thầu có ghi chú, giải thích biểu đồ.

DANH SÁCH CHUYÊN GIA THAM GIA THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN

Stt	Tên	Số định danh/CMTND/căn cước công dân/Hộ chiếu	Chức danh bố trí trong gói thầu	Cách thức huy động	Địa điểm làm việc	Số công [Chọn người /tháng hoặc người/ ngày] ¹			Tổng số tháng công/ngày công
						Hạng mục công việc 1	Hạng mục công việc 2	... ²	
I	Nhân sự chủ chốt³								
1	Nguyễn Văn A		[Phù hợp với vị trí nêu tại Bảng số 01 Chương IV]	[Nhà thầu chọn một trong hai phương án: nhân sự của nhà thầu/Nhân sự đi thuê]	[Công ty]				[Hệ thống tự tính]
					[Thực địa]				[Hệ thống tự tính]
2					[Công ty]				
					[Thực địa]				
								
	Số công nhân sự chủ chốt								
II	Nhân sự khác								
1			[Nhà thầu điện]	Nhà thầu chọn một trong hai phương án: nhân sự của nhà thầu/Nhân sự đi thuê]	[Công ty]				[Hệ thống tự tính]
					[Thực địa]				[Hệ thống tự tính]
2				[Công ty]				
					[Thực địa]				

	Số công nhân sự khác								
--	----------------------	--	--	--	--	--	--	--	--

Ghi chú:

- (1) Trường hợp Mục 14.3 **E-CDNT** có quy định, nhà thầu chọn người/tháng hoặc người/ngày phù hợp với quy định tại Mục này; nhà thầu phải đề xuất tổng số công cho nhân sự chủ chốt không ngắn hơn quy định tại Mục 14.3 **E-CDNT**.
- (2) Hạng mục công việc được Nhà thầu trích xuất theo Mẫu số 08 Chương III.
- (3) Vị trí, số lượng nhân sự chủ chốt phù hợp với yêu cầu nêu tại Bảng số 01 Mục 2 Chương IV.

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ ⁽¹⁾

STT	Tên nhà thầu phụ⁽²⁾	Phạm vi công việc⁽³⁾	Khối lượng công việc⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp E-HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Sau đó, nếu được lựa chọn thì khi huy động thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSMT. Trường hợp chưa xác định được tên nhà thầu phụ thì để trống cột này.

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾
(thuộc E-HSDXTC)

Ngày: ___ [Nhà thầu điền thông tin]

Tên gói thầu: ___ [Nhà thầu điền thông tin]

Kính gửi: ___ [Tên Chủ Đầu tư]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ___ [Nhà thầu điền thông tin] cam kết thực hiện gói thầu ___ [Nhà thầu điền thông tin] số E-TBMT: ___ [Nhà thầu điền thông tin] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu là ___ [Nhà thầu điền giá] cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là ___ [Ghi tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ___ (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSDXTC: ___ [Nhà thầu điền thông tin hiệu lực của E-HSDXKT phù hợp với quy định tại Mục 15 E-CNĐT]

BẢNG THÙ LAO CHO CHUYÊN GIA (*)

STT	Họ và tên (1)	Chức danh bố trí trong gói thầu (2)	Địa điểm làm việc (3)	Thù lao/tháng- (ngày) người (4)	Số tháng (ngày) người (5)	Thù lao cho chuyên gia (6) = (4) x (5)	Tổng (7)
I Nhân sự chủ chốt							
1	[Lấy từ Mẫu số 09]	[Lấy từ Mẫu số 09]	Công ty	[Lấy từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Lấy từ Mẫu số 09]	(a)	(a)+(b)
			Thực địa	[Lấy từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Lấy từ Mẫu số 09]	(b)	
2		Công ty				
			Thực địa				
II Nhân sự khác							
1	[Lấy từ Mẫu số 09]	[Lấy từ Mẫu số 09]	Công ty	[Lấy từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Lấy từ Mẫu số 09]		
			Thực địa	[Lấy từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Lấy từ Mẫu số 09]		
2		Công ty				
			Thực địa				
Tổng cộng							(A)

Ghi chú:

- (*): Mẫu này áp dụng cho các công việc thuộc Mục 3 Mẫu số 01C Chương này.
- (1), (2), (5): Lấy từ Mẫu số 09 Chương này.
- (4): Nhà thầu điền trong trường hợp E-HSMT không yêu cầu phân tích thù lao cho chuyên gia theo Mẫu số 12A. Trường hợp E-HSMT yêu cầu phân tích thù lao cho chuyên gia thì nhà thầu hoàn thành Mẫu số 12A và trích xuất thông tin vào cột này.

BẢNG PHÂN TÍCH CHI PHÍ THÙ LAO CHO CHUYÊN GIA

STT	Họ tên chuyên gia	Chức danh	Địa điểm làm việc	Lương cơ bản	Chi phí xã hội ¹ % của (3)	Chi phí quản lý chung ² % của (3)	Cộng (3)+(4)+(5)	Lợi nhuận % của (6)	Phụ cấp xa nhà	Thù lao cho chuyên gia/tháng (ngày) (6)+(7) +(8)
(1)	(1a)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	
1	Nguyễn Văn A	Công ty								
		Thực địa								
...		Công ty								
		Thực địa								

Ghi chú: Trường hợp không yêu cầu nhà thầu phân tích chi tiết chi phí thù lao chuyên gia thì không sử dụng Mẫu này

¹ Chi phí xã hội: bao gồm các chi phí như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật hiện hành;

² Chi phí quản lý chung: là chi phí chung của nhà thầu không liên quan trực tiếp đến việc thực hiện gói thầu được tính theo đầu người, bao gồm các chi phí như: chi phí thuê trụ sở, điện nước, truyền thông, nghiên cứu phát triển...

CHI PHÍ KHÁC CHO CHUYÊN GIA

STT	Miêu tả	Đơn vị tính	Chi phí/đơn vị (1)	Số lượng (2)	Chi phí (3)
1	[Công tác phí]	[Ngày]		[Hệ thống tự tính trên cơ sở tổng số ngày làm việc thực địa của các nhân sự nêu tại Mẫu số 09]	(1)x(2)
2	[Chuyến bay]	[Chuyến]			
3	[Chi phí liên lạc]				
4	[Thiết bị, tài liệu...]				
5	[Chi phí đi lại trong nước]				
6	[Thuê văn phòng, thư ký hỗ trợ]				
7	[Đào tạo nhân sự của chủ đầu tư]				
Tổng chi phí					(B)

**CHI PHÍ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC
DỰA TRÊN ĐƠN GIÁ VÀ KHỐI LƯỢNG**

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (bao gồm VAT)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
I	Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói				(M1)
1					
2					
...					
II	Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá				(M2)
	Các công việc				
1					
2					
...					
Tổng cộng					M=(M1+M2)

Ghi chú:

- (1) (2) (3) (4): Lấy từ Mẫu số 01A và 01B thuộc Mẫu số 01
- (5) Nhà thầu điền đơn giá đã bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện dịch vụ, kể cả thuế, phí, lệ phí.

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ

Thù lao cho chuyên gia	(A)
Chi phí khác cho chuyên gia	(B)
Chi phí hạng mục công việc dựa trên đơn giá và khối lượng	(M)
Tổng chi phí	$A + B + M$

Ghi chú:

Mục A, B, M: Lấy từ các Mẫu số 12, 13, 14

Tổng chi phí: trích xuất ra giá dự thầu trong đơn dự thầu thuộc E-HSDXTC.

THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*Tên nhà thầu trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ [*tên chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [*tên, số hiệu gói thầu*], Chủ đầu tư thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu _____ [*tên, số hiệu gói thầu*] với giá hợp đồng là _____ [*giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*] với thời gian thực hiện gói thầu là ____ [*thông tin trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm⁽²⁾ ____ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại.

Ghi chú:

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

MẪU HỢP ĐỒNG
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

HỢP ĐỒNG

Tư vấn giám sát thi công xây dựng

Số:/ĐT.VAM-...../2025/HĐTV_ĐTPT

- Gói thầu: Tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình (Không bao gồm hạng mục cọc và tường vây)
- Dự án: Đầu tư xây dựng Tòa nhà Viettel Đà Nẵng
- Địa điểm: Lô A1.1, khu công viên Bắc Tượng Đài, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng

giữa

**CÔNG TY QUẢN LÝ TÀI SẢN VIETTEL – CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN
CÔNG NGHIỆP – VIỆN THÔNG QUÂN ĐỘI**

và

.....

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....	68
PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH	69
PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG.....	70
PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG.....	71
Điều 1. Định nghĩa và diễn giải	71
Điều 2. Loại hợp đồng	71
Điều 3. Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên	71
Điều 4. Trao đổi thông tin.....	72
Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng	72
Điều 6. Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng	72
Điều 7. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình.....	73
Điều 8. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng.....	74
Điều 9. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng.....	74
Điều 10. Giá hợp đồng.....	74
Điều 11. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng	75
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn.....	77
Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư	79
Điều 14. Nhà thầu phụ (nếu có).....	79
Điều 15. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn	80
Điều 16. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu.....	80
Điều 17. Bảo hiểm	80
Điều 18. Rủi ro và bất khả kháng	81

Điều 19. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng.....	82
Điều 20. Chấm dứt hợp đồng	83
Điều 21. Quyết toán và thanh lý hợp đồng.....	85
Điều 22. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn	86
Điều 23. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng	86
Điều 24. Tạm ứng và thanh toán.....	86
Điều 25. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp.....	87
Điều 26. Phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại	87
Điều 27. Điều khoản chung.....	88
PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG.....	89
Điều 1. Định nghĩa và diễn giải	89
Điều 2. Loại hợp đồng	89
Điều 6. Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng	89
Điều 8. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng.....	89
Điều 10. Giá hợp đồng.....	89
Điều 15. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn	90
Điều 20. Chấm dứt hợp đồng	90
Điều 22. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn	90
Điều 23. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng	90
Điều 24. Tạm ứng và thanh toán.....	91
Điều 25. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp.....	92
Điều 26. Phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại	92
Điều 27. Điều khoản chung.....	93
PHỤ LỤC 01. NHÂN LỰC CỦA NHÀ THẦU	94
PHỤ LỤC 02: CHI TIẾT GIÁ HỢP ĐỒNG	94
PHỤ LỤC 03: PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG.....	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐKC	Điều kiện chung
ĐKCT	Điều kiện cụ thể
E-HSMT	Hồ sơ mời thầu
E-HSDT	Hồ sơ dự thầu
Luật Xây dựng số 50/2014/QH13	Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội.
Luật số 62/2020/QH14	Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.
Nghị định số 37/2015/NĐ-CP	Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.
Nghị định số 50/2021/NĐ-CP	Nghị định số 50/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.
Nghị định số 06/2021/NĐ-CP	Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.
Nghị định số 175/2024/NĐ-CP	Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.
Nghị định số 35/2023/NĐ-CP	Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng
Nghị định số 174/2025/NĐ-CP	Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội.
Thông tư số 02/2023/TT-BXD	Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2025 tại văn phòng Công ty Quản lý tài sản Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Đại diện Chủ đầu tư:

Tên giao dịch: **Công ty Quản lý tài sản Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội**

Người đại diện: Ông Vũ Tiến Duy - Chức vụ: Giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số 7763/GUQ-CNVTTQĐ ngày 05/07/2025 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội)

Địa chỉ: Tầng 2, Tháp A, Tòa nhà The Light, Đường Tố Hữu, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội

Tài khoản: 008 11 66 888 999 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội- chi nhánh Trần Duy Hưng.

Mã số thuế: 0100109106-160

Điện thoại: 024.62812060

2. Nhà thầu tư vấn:

Tên giao dịch: **Công ty**

Đại diện là: Chức vụ:

Địa chỉ:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Điện thoại:

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình của gói thầu “Tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình (Không bao gồm hạng mục cọc và tường vây)”, dự án “Đầu tư xây dựng Tòa nhà Viettel Đà Nẵng” như sau:

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 tháng 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng ;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng ngày / /2025 ký giữa Công ty Quản lý tài sản Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội và

Căn cứ Quyết định số/QĐ-VAM ngày/ /2025 của Giám đốc Công ty Quản lý tài sản Viettel về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu “Tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình (Không bao gồm hạng mục cọc và tường vây)”, dự án “Đầu tư xây dựng Tòa nhà Viettel Đà Nẵng”.

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Định nghĩa và diễn giải

Các từ và cụm từ trong hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Chủ đầu tư là đơn vị được nêu tại **ĐKCT**.
2. Nhà thầu tư vấn là tổ chức được quy định tại **ĐKCT**.
3. Dự án là dự án được quy định tại **ĐKCT**.
4. Công trình là công trình được quy định tại **ĐKCT**.
5. Gói thầu là gói thầu được quy định tại **ĐKCT**.
6. Nhà thầu phụ là tổ chức hay cá nhân ký hợp đồng với Nhà thầu tư vấn để trực tiếp thực hiện công việc.
7. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại Điều 3 [Hồ sơ hợp đồng tư vấn và thứ tự ưu tiên].
8. Bên là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tư vấn tùy theo hoàn cảnh cụ thể.
9. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.
10. Ngày làm việc được hiểu là các ngày theo dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.
11. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng được quy định tại **ĐKCT**.

Điều 3. Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên

1. Hồ sơ hợp đồng bao gồm hợp đồng tư vấn xây dựng và các tài liệu tại khoản 2 dưới đây.
2. Các tài liệu kèm theo hợp đồng là bộ phận không tách rời của hợp đồng tư vấn xây dựng. Các tài liệu kèm theo hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:
 - a) Văn bản thông báo trúng thầu hoặc chỉ định thầu;
 - b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng;
 - c) Điều kiện chung của hợp đồng;
 - d) HSMT hoặc E-HSMT của Chủ đầu tư;
 - đ) Các bản vẽ thiết kế và các chỉ dẫn kỹ thuật;
 - e) HSDT hoặc E-HSDT của Nhà thầu tư vấn;
 - g) Biên bản đàm phán hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng;
 - h) Các phụ lục của hợp đồng;
 - i) Các tài liệu khác có liên quan.

3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng xây dựng áp dụng theo thứ tự quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 4. Trao đổi thông tin

1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bằng đường bưu điện, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong hợp đồng.
2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.
2. Ngôn ngữ của hợp đồng là Tiếng Việt.

Điều 6. Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

1. Việc thực hiện bảo lãnh tạm ứng hợp đồng theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 50/2021/NĐ-CP.
2. Trước khi Chủ đầu tư thực hiện việc tạm ứng cho Nhà thầu tư vấn, Nhà thầu tư vấn phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh tạm ứng hợp đồng có giá trị tương đương giá trị khoản tiền tạm ứng và thời hạn bảo lãnh như quy định tại **ĐKCT**. Nếu là liên danh các Nhà thầu tư vấn thì từng thành viên trong liên danh phải nộp bảo lãnh tạm ứng hợp đồng tương đương với giá trị khoản tiền tạm ứng cho từng thành viên, trừ trường hợp các thành viên trong liên danh thỏa thuận để nhà thầu tư vấn đứng đầu liên danh nộp bảo lãnh tạm ứng hợp đồng cho Chủ đầu tư.

Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng phải đảm bảo vô điều kiện, không hủy ngang và phải được Chủ đầu tư chấp thuận về nội dung trước khi phát hành.

Bảo lãnh tiền tạm ứng phải được phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị của bảo lãnh tiền tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Nhà thầu hoàn trả. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng. Nếu các điều khoản của bảo lãnh tiền tạm ứng nêu rõ ngày hết hạn và số tiền tạm ứng chưa được thu hồi hết trước ngày hết hạn, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng cho tới khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng. Trường hợp số tiền tạm ứng vẫn chưa được thu hồi hết trước khi hết hạn Bảo lãnh tiền tạm ứng hoặc trước khi chấm dứt Hợp đồng (tùy từng trường hợp), khi đó toàn bộ khoản tiền tạm ứng chưa thu hồi này sẽ coi là khoản nợ

đến hạn và Nhà thầu có nghĩa vụ hoàn trả cho Chủ đầu tư toàn bộ khoản tạm ứng chưa thu hồi này.

3. Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng sẽ được khấu trừ tương ứng với giá trị giảm trừ tiền tạm ứng qua mỗi lần thanh toán và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng phù hợp quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

Điều 7. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình

1. Nội dung và khối lượng công việc Nhà thầu tư vấn thực hiện được thể hiện tại E-HSMT của Chủ đầu tư và các thỏa thuận tại các biên bản đàm phán hợp đồng giữa các bên, bao gồm các công việc chủ yếu sau:
 - a) Nội dung công việc của hợp đồng tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình bao gồm giám sát về chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong quá trình thi công.
 - b) Nội dung công việc cụ thể của giám sát thi công xây dựng công trình thực hiện theo khoản 1 Điều 19 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và các nội dung sau:
 - Thông báo về nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân trong hệ thống quản lý chất lượng của chủ đầu tư, nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình, cho các nhà thầu có liên quan để phối hợp thực hiện;
 - Kiểm tra các điều kiện khởi công công trình xây dựng theo quy định tại Điều 107 của Luật Xây dựng và Khoản 39 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020.
2. Nhà thầu tư vấn cung cấp sản phẩm của hợp đồng tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình bao gồm:
 - a) Quy trình Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị: Nhà thầu phải lập và trình chủ đầu tư phê duyệt Quy trình Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị trước khi công trình được triển khai thi công xây dựng.
 - b) Nhật ký giám sát.
 - c) Báo cáo định kỳ hàng tuần, hàng tháng: Cung cấp cho chủ đầu tư, nhà thầu thi công các Báo cáo định kỳ về các công việc do bộ phận thi công đã và đang thực hiện tại công trường, trong đó có báo cáo các công việc đã hoàn thành và được nghiệm thu trong kỳ báo cáo, nhận xét, đánh giá của bộ phận giám sát thi công về chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động và vệ sinh môi trường theo quy định tại Phụ lục IVa Nghị định 06/2021/NĐ-CP.
 - d) Báo cáo nghiệm thu từng hạng mục: Sau mỗi công đoạn thi công phải thực hiện công tác nghiệm thu bộ phận, hạng mục công trình đã hoàn thành để đánh giá về mặt kỹ thuật và chất lượng cũng như khối lượng công việc đã

hoàn thành, nhận xét và đưa ra phương hướng thực hiện các công đoạn tiếp theo theo quy định tại Phụ lục IVb Nghị định 06/2021/NĐ-CP.

- e) Báo cáo hoàn thành công tác giám sát thi công xây dựng công trình theo quy định tại Phụ lục IVb Nghị định 06/2021/NĐ-CP
- f) Nhà thầu tư vấn cần phải có hình ảnh nghiệm thu các vật tư/vật liệu/thiết bị trước khi đưa vào thi công và lắp đặt và các hình ảnh nghiệm thu công việc/hạng mục.

Nhà thầu tư vấn phải lập danh mục các hình ảnh trên theo trình tự thời gian thi công của dự án và bàn giao cho Chủ đầu tư khi hoàn thành dự án.

- g) Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của chủ đầu tư.

Điều 8. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng phải phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng phải được Nhà thầu tư vấn hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng.
2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của hợp đồng quy định tại **ĐKCT**.

Điều 9. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

Hợp đồng tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình được nghiệm thu dựa trên các căn cứ sau:

1. Hợp đồng tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình đã ký kết giữa các bên.
2. Hồ sơ báo cáo kết quả giám sát thi công xây dựng công trình.
3. Nhiệm vụ và quy trình giám sát thi công xây dựng được duyệt.
4. Quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng cho hợp đồng tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình.

Điều 10. Giá hợp đồng

1. Giá hợp đồng
 - a) Giá hợp đồng được xác định với số tiền quy định tại **ĐKCT**.
 - b) Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng thực hiện theo Điều 11 [Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng].
2. Nội dung của giá hợp đồng
 - a) Nội dung của giá hợp đồng bao gồm:
 - Chi phí chuyên gia (tiền lương và các chi phí liên quan), chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

- Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn xây dựng sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.
 - Chi phí đi thực địa.
 - Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.
 - Chi phí khác có liên quan.
- b) Giá hợp đồng tư vấn xây dựng không bao gồm:
- Chi phí cho các cuộc họp của Chủ đầu tư.
 - Chi phí thẩm tra, phê duyệt sản phẩm của hợp đồng tư vấn.
 - Chi phí chưa tính trong giá hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận, đảm bảo phù hợp quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Điều 11. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Điều chỉnh khối lượng công việc của hợp đồng tư vấn
 - a) Các trường hợp điều chỉnh khối lượng công việc của hợp đồng:
 - Phát sinh các nội dung công việc bổ sung ngoài phạm vi tư vấn phải thực hiện, hoặc các phạm vi tư vấn đã ký kết nhưng không thực hiện, cụ thể, trường hợp Chủ đầu tư có yêu cầu giảm hạng mục công việc/công trình so với hồ sơ thiết kế thi công hoặc bổ sung hạng mục công việc/công trình ngoài hồ sơ thiết kế thi công dẫn đến thay đổi phạm vi tư vấn phải thực hiện.
 - b) Thủ tục, trình tự điều chỉnh khối lượng công việc của Hợp đồng
 - Các trường hợp điều chỉnh khối lượng công việc của hợp đồng phải được các bên thống nhất và lập thành phụ lục Hợp đồng.
 - Trường hợp điều chỉnh tăng khối lượng công việc:
 - + Nhà thầu có trách nhiệm lập dự toán bổ sung, phát sinh trên cơ sở khối lượng bổ sung, phát sinh được thống nhất giữa các bên, quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và các thỏa thuận trong Hợp đồng. Chủ đầu tư có trách nhiệm phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán bổ sung, phát sinh do nhà thầu lập, làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung Hợp đồng.
 - + Việc xác định đơn giá cho những khối lượng công việc phát sinh, bổ sung ngoài phạm vi hợp đồng phải được thống nhất theo nguyên tắc thỏa thuận trong Hợp đồng, đơn giá mới được xác định theo thông tư hướng dẫn về lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình của Bộ Xây dựng.
 - Trường hợp điều chỉnh giảm khối lượng công việc: áp dụng đơn giá dựa trên mức thù lao ngày/người và đơn giá chi phí khác/ngày trong hợp đồng đối với thời gian cho phần công việc không thực hiện (căn cứ trên bảng tiến độ thi công xây dựng do nhà thầu thi công lập) để điều chỉnh giảm giá Hợp đồng.
2. Điều chỉnh giá hợp đồng tư vấn:

Thực hiện theo Thông tư hướng dẫn về Điều chỉnh giá Hợp đồng xây dựng của Bộ Xây dựng.

2.1. Các trường hợp điều chỉnh giá:

Chi Điều chỉnh giá Hợp đồng đối với những khối lượng công việc bổ sung hợp lý, những khối lượng thay đổi giảm so với phạm vi công việc phải thực hiện theo Hợp đồng đã ký, các trường hợp bất khả kháng và khi Nhà nước thay đổi các chính sách làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện Hợp đồng.

2.2. Thủ tục, trình tự thực hiện Điều chỉnh giá Hợp đồng

- a) Khi điều chỉnh giá Hợp đồng theo quy định tại điểm 2.1 Khoản này, Các Bên phải thống nhất và ký kết phụ lục bổ sung Hợp đồng làm cơ sở Điều chỉnh giá Hợp đồng.
 - b) Trường hợp điều chỉnh khối lượng công việc: Thực hiện theo quy định tại điểm b, Khoản 1 Điều này.
 - c) Đối với các trường hợp bất khả kháng, bất khả kháng khác: Việc điều chỉnh giá Hợp đồng chỉ áp dụng khi được Người quyết định đầu tư chấp thuận. Đơn giá cho các công việc phải khắc phục hậu quả bất khả kháng được xác định căn cứ vào Điều kiện thực tế, Thông tư hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình của Bộ Xây dựng. Có thể áp dụng đơn giá trong Hợp đồng đã ký kết; hoặc đơn giá xác định theo nguyên tắc thỏa thuận trong Hợp đồng về đơn giá mới cho khối lượng công việc bổ sung, phát sinh bổ sung ngoài phạm vi Hợp đồng.
 - d) Trường hợp khi Nhà nước thay đổi chính sách ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện Hợp đồng xây dựng, thì việc điều chỉnh Hợp đồng chỉ được áp dụng cho phần công việc bị ảnh hưởng của sự thay đổi chính sách đó và việc điều chỉnh thực hiện theo quy định của cơ quan ban hành, hướng dẫn thực hiện chính sách.
3. Điều chỉnh tiến độ của hợp đồng tư vấn
- Việc điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.
 - Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng xây dựng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm đánh giá tác động của các sự kiện bất khả kháng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng để xác định, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.
 - Trường hợp tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP cần thực hiện các công việc sau:
- + Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn căn cứ yêu cầu tạm dừng của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đánh giá tác động đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng.

- + Trường hợp phát sinh chi phí do kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn căn cứ nội dung hợp đồng, hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sự kiện dẫn đến tạm dừng thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận về các khoản mục chi phí phát sinh hợp lý.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn

1. Quyền của Nhà thầu tư vấn:

- a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn và phương tiện làm việc theo thỏa thuận hợp đồng (nếu có).
- b) Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của Chủ đầu tư hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.
- c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.
- d) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật và Hợp đồng này (đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả).
- đ) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các khoản lãi chậm trả do chậm thanh toán theo quy định.
- e) Kiến nghị Chủ đầu tư tạm dừng thi công đối với nhà thầu thi công xây dựng khi xét thấy chất lượng thi công xây dựng không bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công không bảo đảm an toàn.

2. Nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn:

- a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.
- b) Bảo quản và giao lại cho Chủ đầu tư những tài liệu và phương tiện làm việc do Chủ đầu tư cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).
- c) Thông báo ngay bằng văn bản cho Chủ đầu tư về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.
- d) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.
- e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:
Nhà thầu tư vấn phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho Nhà thầu tư vấn trong việc thực hiện công việc tư vấn xây dựng được quy định trong hợp đồng.

Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của Nhà thầu tư vấn đề hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các điều khoản được quy định trong hợp đồng thì Nhà thầu tư vấn phải chịu trách nhiệm.

- g) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân lực của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.
- h) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.
- i) Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn xây dựng trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức.
- k) Sản phẩm tư vấn xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà thầu tư vấn phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được Chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn xây dựng.
- l) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng.
- m) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng và thời gian theo đúng tiến độ được thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.
- n) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.
- q) Tham gia nghiệm thu các giai đoạn, nghiệm thu chạy thử thiết bị, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình và toàn bộ công trình khi có yêu cầu của Chủ đầu tư.
- s) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.
- t) Trong quá trình giám sát thi công, Nhà thầu TVGS có trách nhiệm phát hiện các hành vi của Nhà thầu thi công vi phạm hợp đồng đã ký với Chủ đầu tư và/hoặc vi phạm các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn của pháp luật. Khi phát hiện vi phạm, Nhà thầu TVGS sẽ nhắc nhở, đôn đốc Nhà thầu thi công thực hiện đúng quy định đồng thời gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư nêu rõ hành vi vi phạm của Nhà thầu thi công và đề xuất mức phạt vi phạm theo quy định.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư

1. Quyền của Chủ đầu tư:
 - a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn xây dựng theo hợp đồng này.
 - b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo hợp đồng.
 - c) Kiểm tra chất lượng công việc của Nhà thầu tư vấn nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của Nhà thầu tư vấn.
 - d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng.
 - đ) Yêu cầu Nhà thầu tư vấn thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.
2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư:
 - a) Cung cấp cho Nhà thầu tư vấn thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).
 - b) Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả theo hợp đồng.
 - c) Giải quyết kiến nghị của Nhà thầu tư vấn theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.
 - d) Thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu tư vấn theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.
 - đ) Hướng dẫn Nhà thầu tư vấn về những nội dung liên quan đến dự án và HSMT (hoặc E-HSMT); tạo điều kiện để Nhà thầu tư vấn được tiếp cận với công trình, thực địa.
 - e) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với Nhà thầu tư vấn.
 - g) Tạo điều kiện cho Nhà thầu tư vấn thực hiện công việc tư vấn xây dựng, thủ tục hải quan (nếu có).
 - h) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho Nhà thầu tư vấn nếu Chủ đầu tư cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.

Điều 14. Nhà thầu phụ (nếu có)

1. Đối với nhà thầu phụ chưa có danh sách trong Hợp đồng, nhà thầu phải trình danh sách, hồ sơ năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ cũng như phạm vi công việc mà nhà thầu phụ sẽ đảm nhận để Chủ đầu tư xem xét chấp thuận bằng văn bản trước khi ký hợp đồng thầu phụ.
2. Nhà thầu tư vấn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Chủ đầu tư về chất lượng, tiến độ cũng như các sai sót của nhà thầu phụ.

3. Nhà thầu tư vấn cam kết với Chủ đầu tư rằng sẽ thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản chi phí cho nhà thầu phụ được quy định trong trong hợp đồng thầu phụ.

Điều 15. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

1. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn và nhà thầu phụ phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng được quy định cụ thể tại Phụ lục số 01 [Nhân lực của Nhà thầu].
2. Chức danh, công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện được quy định trong Phụ lục số 01 [Nhân lực của Nhà thầu]. Trường hợp thay đổi nhân sự, Nhà thầu tư vấn phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu Chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Nhà thầu tư vấn thì nhân sự đó coi như được Chủ đầu tư chấp thuận.
3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu tư vấn thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, Nhà thầu tư vấn phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong thời gian quy định tại **ĐKCT** kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu tư vấn chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.
4. Nhà thầu tư vấn có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư chấp thuận.
5. Trường hợp thời gian làm việc của nhân sự phải kéo dài hoặc bổ sung nhân sự vì lý do tăng khối lượng công việc đã được thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn thì chi phí phát sinh cần thiết này sẽ được thanh toán trên cơ sở Phụ lục số 01 [Nhân lực của Nhà thầu].
6. Nhà thầu tư vấn tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ,... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu tư vấn không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 16. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

1. Nhà thầu tư vấn là chủ sở hữu các quyền nhân thân đối với sản phẩm tư vấn, gồm quyền đặt tên cho sản phẩm tư vấn, đứng tên thật hoặc bút danh trên sản

- phẩm tư vấn, được nêu tên thật hoặc bút danh khi sản phẩm được công bố, sử dụng; được bảo vệ sự toàn vẹn của sản phẩm tư vấn, không cho người khác sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc sản phẩm tư vấn dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của nhà thầu tư vấn.
2. Chủ đầu tư là chủ sở hữu quyền công bố sản phẩm tư vấn hoặc cho phép người khác công bố sản phẩm tư vấn và là chủ sở hữu quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.
 3. Nhà thầu tư vấn phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do Nhà thầu tư vấn thực hiện và cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.
 4. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 17. Bảo hiểm

Nhà thầu mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

Điều 18. Rủi ro và bất khả kháng

1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện hợp đồng xây dựng trong tương lai. Mỗi bên phải có trách nhiệm trong việc quản lý và xử lý rủi ro của mình. Trường hợp gặp rủi ro, trách nhiệm của các bên được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều này, các bên đảm bảo quá trình khắc phục hậu quả của rủi ro, hạn chế tối đa các ảnh hưởng tới việc thực hiện hợp đồng.
2. Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro xảy ra một cách khách quan không thể lường trước khi ký kết hợp đồng xây dựng và không thể khắc phục được khi nó xảy ra mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, phù hợp với tiêu chí được quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và khoản 1 Điều 156 Bộ Luật Dân sự.
3. Thông báo về bất khả kháng:
 - a) Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.
 - b) Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ hợp đồng.
4. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro:
 - a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra Nhà thầu tư vấn phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.
 - b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.

- c) Nhà thầu tư vấn phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.
 - d) Chủ đầu tư phải bồi thường những tổn hại cho Nhà thầu tư vấn đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra.
5. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng:
- a) Nếu Nhà thầu tư vấn bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các điều khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, Nhà thầu tư vấn sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:
 - Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).
 - Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các điều khoản quy định trong hợp đồng.
 - b) Chủ đầu tư phải xem xét quyết định các đề nghị của Nhà thầu tư vấn.
 - c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.
6. Chấm dứt và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có):
- a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.
 - b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn:
 - Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng.

Điều 19. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

1. Tạm ngừng công việc bởi Chủ đầu tư
 Nếu nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Chủ đầu tư có thể tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu bằng văn bản thông báo. Trong nội dung văn bản, Chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của nhà thầu và yêu cầu nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.
2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu tư vấn
 - a) Nếu Chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày

- hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).
- b) Sau khi Chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Nhà thầu tư vấn phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.
 - c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu tư vấn phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.
3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Điều 20. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư
 Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau một thời gian quy định tại **ĐKCT** kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến Nhà thầu tư vấn. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng khi:
 - a) Nhà thầu tư vấn không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong khoảng thời gian quy định tại **ĐKCT** kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót đó.
 - b) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 23 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng], hoặc trong một thời gian quy định tại **ĐKCT** liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.
 - c) Chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự đồng ý của Chủ đầu tư.
 - d) Nhà thầu tư vấn bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.
 - e) Nhà thầu tư vấn từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 25 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp].
 - g) Nhà thầu tư vấn cố ý trình Chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Chủ đầu tư.
 - h) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 18 [Rủi ro và bất khả kháng].
 - i) Nhà thầu tư vấn vi phạm hoặc không thực hiện các nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn quy định tại Khoản 12.2 [Nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn] và/hoặc các

nghĩa vụ khác được quy định tại Hợp đồng và vẫn tiếp tục vi phạm hoặc không thực hiện kể từ ngày Chủ đầu tư gửi thông báo.

- j) Tùy theo quyết định của Chủ đầu tư hoặc trong trường hợp dự án bị dừng hoặc hủy, Chủ đầu tư có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng với Nhà thầu nhưng Chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn giá trị công việc đã thực hiện và được nghiệm thu.

Sau khi chấm dứt hợp đồng, Chủ đầu tư có thể thuê các Nhà thầu tư vấn khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các Nhà thầu tư vấn này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu tư vấn

Nhà thầu tư vấn có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư một khoảng thời gian theo quy định tại **ĐKCT** trong các trường hợp sau đây:

- a) Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian quy định tại **ĐKCT**.
 - b) Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 25 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian quy định tại **ĐKCT** kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.
 - c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 25 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp].
 - d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu tư vấn không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian quy định tại **ĐKCT**.
 - đ) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.
3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.
 4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.
 5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 10 [Giá hợp đồng] và Điều 24 [Tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, các chi phí khác,...).

Điều 21. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

1. Quyết toán hợp đồng
 - a) Việc quyết toán hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP.
 - b) Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Chủ đầu tư rằng Nhà thầu tư vấn đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ trình cho Chủ đầu tư 6 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:
 - Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.
 - Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).
 - Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn.
 - Hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định
 Trong trường hợp Nhà thầu không thực hiện hoặc chậm trễ trong việc lập hồ sơ quyết toán hợp đồng theo quy định, Chủ đầu tư sẽ có văn bản nhắc nhở nhà thầu hoàn thành các công việc để quyết toán hợp đồng. Sau khi Chủ đầu tư gửi văn bản 03 lần, mỗi lần cách nhau 10 ngày, đến Nhà thầu nhưng Nhà thầu không có phản hồi và/hoặc hồ sơ quyết toán vẫn không được hoàn thiện thì Chủ đầu tư có thể thuê đơn vị có chuyên môn, kinh nghiệm lập hồ sơ quyết toán với chi phí cho Nhà thầu chịu hoặc xem xét việc căn cứ vào những hồ sơ thực tế đã thực hiện để lập hồ sơ quyết toán và tiến hành các thủ tục cần thiết để đơn phương chấm dứt Hợp đồng với Nhà thầu. Trong trường hợp này, Nhà thầu đồng ý rằng việc Chủ đầu tư hoặc bên thứ ba lập hồ sơ quyết toán được coi là thay mặt Nhà thầu lập hồ sơ quyết toán và Nhà thầu không có bất kỳ khiếu nại và/hoặc phản đối liên quan đến việc lập hồ sơ quyết toán này.
 Giá trị quyết toán được xác định bằng giá trị phần công việc Nhà thầu đã hoàn thành và có đủ hồ sơ chất lượng theo quy định pháp luật.
 Nhà thầu chịu hoàn toàn các tổn thất, thiệt hại (nếu có) và có trách nhiệm chấp hành quyết định phê duyệt quyết toán của Chủ đầu tư.
 - c) Nếu Chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng Nhà thầu tư vấn chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ cung cấp thêm thông tin khi Chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà thầu tư vấn sẽ chuẩn bị và trình cho Chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.
 - d) Sau khi hợp đồng được quyết toán theo quy định, Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của hợp đồng cho nhà thầu.

2. Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 20 [Chấm dứt hợp đồng].

Điều 22. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Việc nghiệm thu sản phẩm được quy định tại **ĐKCT**.

Điều 23. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Tổng thời gian thực hiện hợp đồng được quy định quy định tại **ĐKCT**.
2. Tiến độ chi tiết:
Chi tiết thời gian và phân công việc hoàn thành quy định tại **ĐKCT**.
3. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp Nhà thầu tư vấn hoặc Chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung hợp đồng.
4. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Nhà thầu tư vấn.

Điều 24. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng:
Thời gian chậm nhất theo quy định tại **ĐKCT**, Chủ đầu tư tạm ứng cho Nhà thầu tư vấn số tiền quy định tại **ĐKCT**.
2. Tiến độ thanh toán
Số lần thanh toán là quy định tại **ĐKCT**.
Giá trị mà Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu theo các lần thanh toán cụ thể quy định tại **ĐKCT**.
Lần thanh toán cuối cùng sau khi Nhà thầu tư vấn hoàn thành các công việc theo nghĩa vụ trong hợp đồng.
Thời hạn thanh toán: quy định tại **ĐKCT**.
3. Hồ sơ thanh toán gồm:
 - Biên bản nghiệm thu hoàn thành giai đoạn;
 - Nhật ký giám sát;
 - Báo cáo kết quả giám sát từng giai đoạn;
 - Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng (nếu có).
 - Đề nghị thanh toán của Nhà thầu tư vấn bao gồm: Giá trị hoàn thành theo hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản này.
 - Hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định.

- Bảng giá trị quyết toán, biên bản thanh lý hợp đồng (áp dụng với đợt quyết toán).
- 4. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

Điều 25. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong thời gian quy định tại **ĐKCT**. Nếu những căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải: quy định tại **ĐKCT**.

Trường hợp thương lượng, hòa giải không có kết quả thì khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Tòa án Nhân dân có thẩm quyền để xử lý tranh chấp quy định tại **ĐKCT** kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải. Quyết định của Tòa án Nhân dân là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 26. Phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại

1. Phạt vi phạm hợp đồng

Đối với Nhà thầu tư vấn: quy định tại **ĐKCT**.

Đối với Chủ đầu tư: Nếu thanh toán chậm cho Nhà thầu tư vấn theo quy định tại Điều 10 [Giá hợp đồng] và Điều 24 [Tạm ứng và thanh toán] thì phải bồi thường cho Nhà thầu tư vấn theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do Ngân hàng thương mại mà Nhà thầu tư vấn mở tài khoản

công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi Chủ đầu tư đã thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu tư vấn.

2. Bồi thường thiệt hại

Ngoài các trường hợp được miễn trừ theo quy định của pháp luật, quy định tại Hợp đồng và không ảnh hưởng đến nghĩa vụ chịu phạt vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này, nếu một Bên vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho Bên còn lại thì Bên vi phạm phải bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại thực tế mà Bên kia phải chịu do hành vi vi phạm của Bên vi phạm.

Mức bồi thường thiệt hại, trình tự, thủ tục thực hiện phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại: quy định tại **ĐKCT**.

Điều 27. Điều khoản chung

1. Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.
2. Một số điều khoản của Hợp đồng này có viện dẫn đến các văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam. Trong trường hợp các văn bản được viện dẫn đó bị sửa đổi, thay thế hoặc hủy bỏ, thì các Bên vẫn tiếp tục thực hiện Hợp đồng theo nội dung của văn bản đã được viện dẫn tại thời điểm giao kết Hợp đồng. Tuy nhiên, quy định tại câu trước sẽ không áp dụng nếu văn bản sửa đổi, thay thế hoặc hủy bỏ không có điều khoản chuyển tiếp và theo quy định pháp luật bắt buộc các Bên phải áp dụng ngay các nội dung được sửa đổi, thay thế hoặc hủy bỏ đó.
3. Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của hợp đồng.
4. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm quy định tại **ĐKCT**.
5. Số lượng trang, số lượng phụ lục, số bản được thành lập, ngôn ngữ hợp đồng, giá trị pháp lý, số bản Chủ đầu tư sẽ giữ, số bản Nhà thầu tư vấn sẽ giữ quy định tại **ĐKCT**.

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Số thứ tự các điều khoản của phần Điều kiện cụ thể tương ứng với điều khoản có cùng số thứ tự tại phần Điều kiện chung và là một phần không thể tách rời của điều khoản đó tại phần Điều kiện chung. Bất cứ việc dẫn chiếu đến một điều khoản nào của Hợp đồng sẽ đều bao gồm quy định tại Điều kiện chung và Điều kiện cụ thể hợp thành một quy định thống nhất.

Điều 1. Định nghĩa và diễn giải

1. Chủ đầu tư là Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội; trong đó, Công ty Quản lý tài sản Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội là đơn vị được Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội phân công, chỉ đạo đại diện ký Hợp đồng và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư tại Hợp Đồng này.
2. Nhà thầu tư vấn là
3. Dự án là Dự án Đầu tư xây dựng Tòa nhà Viettel Đà Nẵng.
4. Công trình là hạng mục Kết cấu phần ngầm và thân công trình (không bao gồm hạng mục cọc và tường vây) thuộc Dự án Đầu tư xây dựng Tòa nhà Viettel Đà Nẵng.
5. Gói thầu là Tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình (Không bao gồm hạng mục cọc và tường vây).

Điều 2. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: Trọn gói.

Điều 6. Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

Giá trị bảo lãnh tạm ứng là: đồng (Bằng chữ:/.).

Thời gian bảo lãnh tạm ứng hợp đồng là 680 ngày kể từ ngày phát hành hoặc từ ngày phát hành cho đến khi Chủ đầu tư thu hồi hết giá trị tạm ứng.

Điều 8. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của hợp đồng là 04 bộ, bao gồm:
 - Quy trình giám sát;
 - Nhật ký giám sát (01 bộ gốc + 03 bộ sao);
 - Báo cáo định kỳ;
 - Báo cáo khi tổ chức nghiệm thu giai đoạn, nghiệm thu hoàn thành gói thầu, hạng mục công trình, công trình xây dựng.
 - Báo cáo đột xuất theo yêu cầu chủ đầu tư.

Điều 10. Giá hợp đồng

1. Giá Hợp đồng

- a) Giá Hợp đồng được xác định với số tiền: **đồng** (Bằng chữ:/.).
2. Giá hợp đồng bao gồm thuế giá trị gia tăng 8% và các chi phí khác như quy định tại **ĐKC**.

Điều 15. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

3. Nhà thầu tư vấn phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng là 3 ngày.

Điều 20. Chấm dứt hợp đồng

Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau 15 ngày.

Nhà thầu tư vấn không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 10 ngày.

Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 23 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng], hoặc 10 ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

Nhà thầu tư vấn có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là 15 ngày.

Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian 30 ngày.

Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 25 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian 30 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu tư vấn không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian 60 ngày.

Điều 22. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Việc nghiệm thu sản phẩm tư vấn được tiến hành sau mỗi đợt thanh toán, quyết toán của nhà thầu thi công xây dựng.

Điều 23. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Thời gian thực hiện hợp đồng là ngày kể từ ngày khởi công công trình. Thời gian thực hiện hợp đồng thực tế thực hiện theo tiến độ hợp đồng thi công xây dựng công trình ký giữa Chủ đầu tư và nhà thầu thi công gói thầu “Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình (Không bao gồm hạng mục cọc và tường vây)” Thời gian thực hiện Hợp đồng nêu trên bao gồm cả thứ bảy, các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định pháp luật nhưng không bao gồm thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng.
2. Tiến độ chi tiết: Theo tiến độ của nhà thầu thực hiện gói thầu “Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình (Không bao gồm hạng mục cọc và tường vây)” thuộc dự án Dự án Đầu tư xây dựng Tòa nhà Viettel Đà Nẵng.

Điều 24. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng:

Thời gian tạm ứng chậm nhất là 14 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và Chủ đầu tư nhận được hồ sơ đề nghị tạm ứng hợp lệ.

Chủ đầu tư tạm ứng cho Nhà thầu tư vấn là 20% giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền là **đồng** (*Bằng chữ:/.*).

Hồ sơ đề nghị tạm ứng gồm:

- + Công văn đề nghị tạm ứng;
- + Bảo lãnh tiền tạm ứng;
- + Lệnh khởi công.

2. Tiến độ thanh toán

Các đợt thanh toán được thực hiện theo tỷ lệ phần trăm giá trị Hợp đồng tương ứng với các giai đoạn thanh toán của Nhà thầu thực hiện gói thầu “Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình (Không bao gồm hạng mục cọc và tường vây)” thuộc dự án “Đầu tư xây dựng Tòa nhà Viettel Đà Nẵng”. Cụ thể như sau:

- Các lần thanh toán sẽ được thực hiện sau mỗi đợt thanh toán của Nhà thầu thực hiện gói thầu “Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình (Không bao gồm hạng mục cọc và tường vây)” thuộc dự án “Đầu tư xây dựng Tòa nhà Viettel Đà Nẵng”. Tỷ lệ thanh toán sẽ tương ứng với tỷ lệ giá trị khối lượng hoàn thành trong đợt thanh toán so với giá hợp đồng đã ký của Nhà thầu thi công xây dựng và khấu trừ giá trị thu hồi tạm ứng bằng 20% giá trị đề nghị thanh toán. Tổng giá trị tối đa của các đợt thanh toán và tạm ứng là 85% giá trị hợp đồng.
- Đợt cuối: Sau khi chủ đầu tư phê duyệt giá trị quyết toán công trình của gói thầu thi công, Chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn giám sát ký biên bản thanh lý, quyết toán hợp đồng. Khi đó, chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị hợp đồng còn lại cho nhà thầu tư vấn giám sát.

Các đợt thanh toán trên được thực hiện kèm theo điều kiện khối lượng hoàn thành của các Nhà thầu thực hiện gói thầu “Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình (Không bao gồm hạng mục cọc và tường vây)” thuộc dự án “Đầu tư xây dựng Tòa nhà Viettel Đà Nẵng” (tương ứng với phần công việc đề nghị thanh toán của Nhà thầu tư vấn giám sát) đã được Chủ đầu tư chấp thuận, phê duyệt.

Khoảng thời gian Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn khi nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu tư vấn là 14 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ.

Điều 25. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Thời gian để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại là 30 ngày.
2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp thương lượng, hòa giải.
Thời gian để tiến hành hòa giải là 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp không thể thương lượng.
Khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Tòa án Nhân dân theo quy định của pháp luật là 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp không thể thương lượng, hòa giải.

Điều 26. Phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại

1. Phạt vi phạm:
 - Đối với Nhà thầu:
 - Thực hiện theo quy định tại Phụ lục 03. Phạt vi phạm hợp đồng.
 - Đối với bất kỳ vi phạm nào khác của Nhà thầu chưa được quy định mức phạt cụ thể tại Phụ lục 03, Nhà thầu chịu phạt 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.
 - Mức phạt vi phạm tối đa mà Nhà thầu phải chịu theo quy định tại hợp đồng này là 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.
2. Bồi thường thiệt hại
 - Mức bồi thường thiệt hại được tính trên cơ sở những thiệt hại Chủ đầu tư phải gánh chịu do vi phạm của Nhà thầu (bao gồm vi phạm của người làm công, công nhân, chuyên gia, cán bộ, nhân viên, đại lý, khách mời của Nhà thầu), bao gồm nhưng không giới hạn:
 - Các chi phí Chủ đầu tư phải thanh toán để khắc phục hậu quả do vi phạm của Nhà thầu;
 - Các chi phí phát sinh khác mà Chủ đầu tư phải trả cho bên thứ ba do hành vi vi phạm của Nhà thầu (ví dụ: giám định, luật sư, phiên dịch, kiểm toán,...)
 - Các khoản thu nhập, lợi nhuận Chủ đầu tư có thể được hưởng nhưng bị mất đi do hành vi vi phạm của Nhà thầu;
 - Các chi phí có liên quan khác.

Trình tự, thủ tục thực hiện phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại:

- Ngay khi phát hiện vi phạm, Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư (Ban Điều hành Dự án) lập biên bản vi phạm, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:
 - (i) Xác định hành vi vi phạm và mức phạt (nếu xác định được tại thời điểm lập biên bản) hoặc xác định thời hạn thông báo mức phạt cụ thể cho Nhà thầu trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày lập biên bản (nếu không xác định được tại thời điểm lập biên bản).

- (ii) Xác định thiệt hại, bao gồm có thiệt hại, không có thiệt hại hoặc chưa xác định được thiệt hại tại thời điểm lập biên bản và Chủ đầu tư sẽ thông báo cho Nhà thầu sau khi xác định được các thiệt hại (nếu có).
 - (iii) Yêu cầu di dời ngay tài sản/phương tiện/vật dụng vi phạm ra khỏi công trường hoặc tạm giữ các tài sản/phương tiện này.
 - (iv) Các biện pháp khắc phục/sửa chữa.
- Biên bản vi phạm có thể có hoặc không có xác nhận của Nhà thầu. Bằng chứng chứng minh vi phạm có thể bằng biên bản phạt vi phạm của Nhà thầu thi công, video, ảnh chụp, biên bản xác nhận của các bên, nhật ký thi công, nhật ký giám sát và/hoặc các hình thức thông tin, tài liệu khác chứng minh vi phạm. Trong trường hợp các vi phạm được quy định cụ thể tại Phụ lục 3 của Hợp đồng, Nhà thầu chấp nhận chịu phạt vi phạm mà không có bất cứ khiếu nại nào đối với Chủ đầu tư.
 - Đối với vấn đề bồi thường thiệt hại, nếu Nhà thầu không phản hồi bằng văn bản trong thời hạn mà Chủ đầu tư yêu cầu thì xem như Nhà thầu đồng ý với mức bồi thường thiệt hại theo văn bản Chủ đầu tư đã phát hành. Nếu Nhà thầu phản hồi không đồng ý với mức bồi thường thiệt hại theo thông báo của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư có thể mời Nhà thầu đến họp để thống nhất mức bồi thường trong vòng từ hai (02) đến bảy (07) ngày làm việc, tùy theo trường hợp cụ thể.
 - Các khoản tiền phạt, bồi thường thiệt hại sẽ được Chủ đầu tư khấu trừ ngay trong lần thanh toán tiếp theo gần nhất hoặc Nhà thầu sẽ phải thanh toán các khoản tiền này trong vòng 07 ngày nếu Chủ đầu tư không còn khoản tiền nào phải thanh toán cho Nhà thầu hoặc các khoản thanh toán còn lại thấp hơn các khoản phạt, bồi thường thiệt hại của Nhà thầu. Trường hợp các bên không thỏa thuận được các khoản bồi thường thiệt hại hoặc Nhà thầu không đến và/hoặc không phản hồi trong thời hạn yêu cầu, Chủ đầu tư được quyền áp dụng mức khấu trừ tới 80% giá trị thiệt hại tạm tính và Nhà thầu sẽ không có bất kỳ khiếu nại/thắc mắc nào

Điều 27. Điều khoản chung

3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.
4. Hợp đồng này bao gồm trang, và Phụ lục 01, 02, 03 được lập thành 04 bản gốc và 04 bản chính bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 02 bản gốc và 04 bản chính, Nhà thầu giữ 02 bản gốc.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

PHỤ LỤC 01. NHÂN LỰC CỦA NHÀ THẦU

STT	Họ tên chuyên gia	Chức danh bố trí trong gói thầu	Chuyên môn
1			
2			
3			
4			
5			

PHỤ LỤC 02: CHI TIẾT GIÁ HỢP ĐỒNG

Đơn vị: đồng

PHỤ LỤC 03. PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

TT	Hành vi	Mức phạt
1	Chậm tiến độ huy động, bố trí nhân sự	5.000.000 VND/người/ngày
2	Trường hợp Nhà thầu thay thế nhân sự không đúng theo HSDT/E-HSDT mà chưa được sự chấp thuận của Chủ đầu tư hoặc bất kỳ cán bộ kỹ thuật nào của Nhà thầu tư vấn (i) không có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm tương xứng với công việc đảm nhận như được thể hiện trong HSDT/E-HSDT và Hợp đồng; hoặc (ii) thường xuyên vắng mặt tại công trường và/hoặc (iii) không có kiến thức, hiểu biết về các yêu cầu kỹ thuật áp dụng đối với công việc thi công chính đang triển khai	- 50.000.000/người đối với nhân sự chủ chốt; - 20.000.000 VND/người đối với các nhân sự còn lại Đồng thời, buộc thay thế nhân sự đáp ứng yêu cầu.

TT	Hành vi	Mức phạt
3	Cán bộ giám sát không tuân thủ quy định ra vào công trường, mang mặc đồng phục, đồ bảo hộ	5.000.000 VND/người/lần
4	Trường hợp Nhà thầu thi công có các hành vi vi phạm hợp đồng ký với Chủ đầu tư, vi phạm quy định pháp luật thuộc trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc, giám sát của Nhà thầu TVGS nhưng Nhà thầu TVGS không kịp thời phát hiện và thông báo cho Chủ đầu tư, Nhà thầu TVGS chịu phạt vi phạm như sau:	
	- Nếu Nhà thầu thi công có các vi phạm về tiến độ	10.000.000 VNĐ/ngày Nhà thầu thi công chậm trễ
	- Nếu Nhà thầu thi công có các vi phạm về quản lý chất lượng, bảo quản và sử dụng vật liệu	20.000.000 VNĐ/lần
	- Nếu Nhà thầu thi công có các vi phạm về tổ chức công trường, vệ sinh môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ	2.000.000 VND/lần
- Nếu Nhà thầu thi công có các hành vi vi phạm khác không thuộc các trường hợp quy định ở trên	2.000.000 VND/lần	
5	Chậm kiểm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán	2.000.000 VND/ngày
6	Hồ sơ đề nghị thanh toán của Nhà thầu thi công sau khi được Nhà thầu tư vấn xác nhận trình Chủ đầu tư phê duyệt mà Chủ đầu tư phát hiện có sai sót về việc xác nhận khối lượng đề nghị thanh toán làm tăng hoặc giảm từ 10% giá trị đề nghị thanh toán trở lên hoặc hồ sơ chất lượng của vật liệu không đúng với chủng loại vật liệu trong Hợp đồng	50.000.000 VND/lần
7	Chậm nộp hồ sơ quyết toán	2.000.000 VNĐ/ngày chậm trễ
8	Đơn phương chấm dứt hợp đồng trái quy định	12% giá trị phần Hợp đồng bị đơn phương chấm dứt trước thời hạn (tính bằng giá hợp đồng trừ giá trị phần hợp đồng đã hoàn thành và được nghiệm thu thanh toán)

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại ____ [*ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [*ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] do ____ [*ghi tên chủ đầu tư*] tổ chức:

[- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình thương thảo hợp đồng;

- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình hoàn thiện hợp đồng]⁽²⁾.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*ghi tên nhà thầu*]. ____ [*ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, chủ đầu tư giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

*[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]*

Người ủy quyền

*[ghi tên người đại diện theo pháp luật
của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng
dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, thương thảo, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu

hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối thương thảo, hoàn thiện, Giấy ủy quyền phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.